

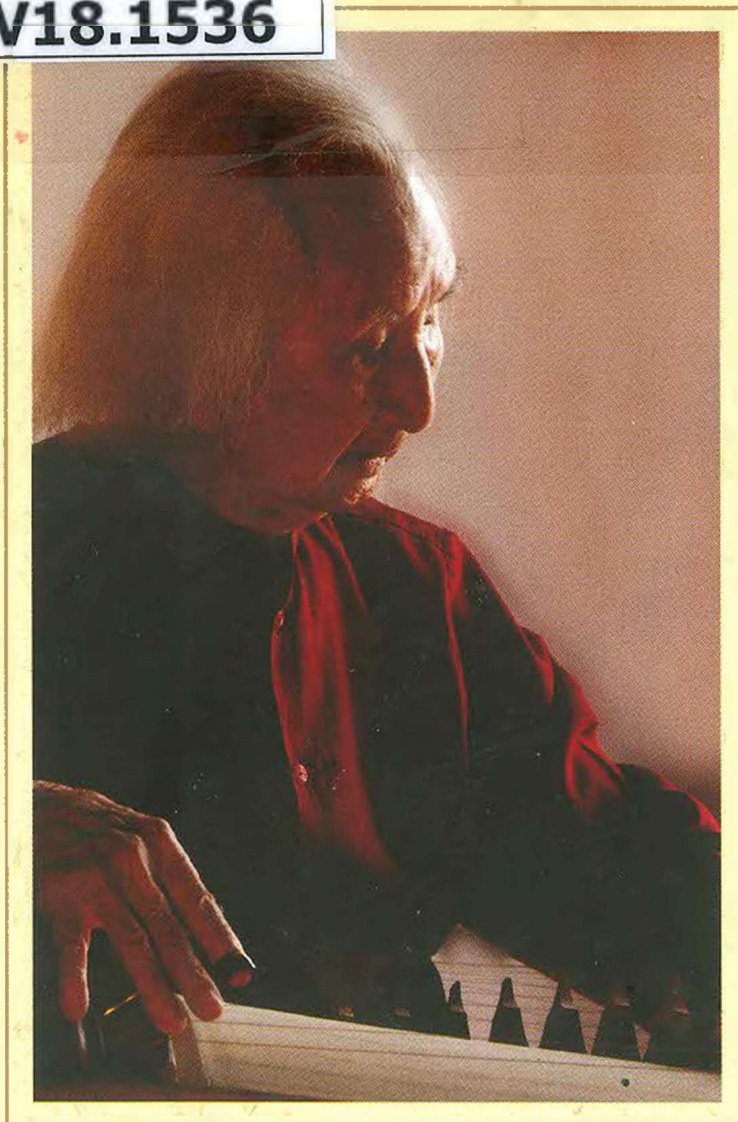
THƯ VIỆN ĐỒNG THÁP



DAVV18.1536

HUYẾT PHONG

ủ biên



NGUYỄN VINH BẢO

Những giai điệu cuộc đời

9

VV18.1536



ĐẠI HỌC
HOA SEN



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

NGUYỄN THUYẾT PHONG

(Chủ biên)

Giáo sư Tiến sĩ Nguyễn Thuyết Phong đã cống hiến cho ngành nghiên cứu Dân tộc nhạc học thế giới (Ethnomusicology) một phần không nhỏ về âm nhạc Việt Nam. Tốt nghiệp Tiến sĩ Âm nhạc học hạng "Tối danh dự" tại Viện Đại học Sorbonne (Paris, 1982), ông trở thành nhân vật rõ nét, hiếm có qua ba phong cách: diễn giả quốc tế, danh nhân văn hóa, và nghệ sĩ. Với thành tựu ngoại hạng trong nghiên cứu, biểu diễn âm nhạc ở nhiều quốc gia, và chủ nhân bộ sưu tập *Phong Nguyen Collection* (bộ sưu tập lớn nhất về Việt Nam tại Trung tâm Giáo dục Toàn cầu, New York, và Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ), năm 1997 ông là người gốc Việt duy nhất được Tổng thống Bill Clinton phong tặng danh hiệu *Danh nhân Di sản Quốc gia Hoa Kỳ* và năm 2001 được ghi tiểu sử trong Đại Từ điển Danh nhân Âm nhạc Thế giới *The New Grove* (Anh Quốc).

NGUYỄN VINH BẢO

Những giai điệu cuộc đời

NGUYỄN VINH BẢO

Những giai điệu cuộc đời



ĐƠN VỊ: ...
...
...

...
...
...

NGUYỄN VINH BẢO – NHỮNG GIAI ĐIỆU CUỘC ĐỜI
của Nguyễn Thuyết Phong (chủ biên), Nguyễn Thị Kim Ứng,
Nguyễn Thúy Uyên

Bản quyền © Các tác giả và Đại học Hoa Sen, 2015
Được xuất bản theo thỏa thuận giữa các tác giả và Đại học
Hoa Sen, tháng 6/2015.

709.789

NGUYỄN THUYẾT PHONG *chủ biên*
NGUYỄN THỊ KIM ỪNG - NGUYỄN THÚY UYÊN

MỤC LỤC

NGUYỄN VINH BẢO
Những giai điệu cuộc đời

THƯ VIỆN ĐỒNG THÁP
PHÒNG ĐỊA CHÍ

DAW 18. 1536



ĐẠI HỌC
HOA SEN



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
2015

MỤC LỤC

Lời mở	7
<i>Nguyễn Thuyết Phong</i>	
1. Những giai điệu cuộc đời	15
<i>Kim Ứng</i>	
2. Tình tường và tình tế	107
<i>Nguyễn Thuyết Phong</i>	
3. Nhớ	144
<i>Nguyễn Thuyết Phong</i>	
4. Cải tiến đàn tranh	230
<i>Nguyễn Thúy Uyên</i>	
5. Nhiều góc nhìn – Một tâm trạng	249
<i>Trần Văn Khê – Nguyễn Phụng</i>	
<i>Maria Stafford – John Fontaine</i>	
<i>Olivier Page – Nguyễn Đặng Ngọc Mai</i>	
<i>Alexander M. Cannon – Christian Verot</i>	
Phụ lục - Hình ảnh và tư liệu	273

*"Là một trong những người được cái may mắn
thụ hưởng chút gì đó của tiền nhân đã dày công
thể nghiệm và sáng tạo, tôi tự ví mình như người
cộng tác với người đương thời, nơi nương tựa
của hậu thế và sẵn sàng san sẻ những gì đã học,
đã biết cho tất cả mọi người, bất phân già trẻ,
màu da."*

NGUYỄN VINH BẢO

Kính tặng hương hồn bà Trâm Anh

- Nguyễn Thuyết Phong - Nguyễn Kim Ưng -

Nguyễn Thúy Uyên

Tặng vợ hiền Trâm Anh

- Nguyễn Vĩnh Bảo

LỜI MỞ

Tôi chưa từng viết về ai, vì tôi tự biết khả năng mình chưa hiểu đủ, hiểu đúng về nhân sinh. Sự thiếu sót có thể trở thành một vấn đề lớn. Vai trò của một *biographer* khi viết về cuộc đời của một ai đó trở nên mong manh, kém giá trị, vì tính phức tạp (có lúc cực kỳ phức tạp) do tình huống xã hội đương thời, quan điểm của cá nhân, gia đình, đồng nghiệp, bạn hữu không đồng nhất, không phù hợp với những gì người viết tiểu sử muốn nói ra hoặc không nói hết, không phản ánh đúng sự thật. Cái khó khăn, hạn chế là ở chỗ đó.

Griswold rơi vào tình huống khác, khi nhân vật mà ông viết tiểu sử—nhà thơ Edgard Allan Poe (1809-1849)—lâm vào tình trạng tâm thần nhiều

lúc không ổn định, vì nghèo, thiếu ăn, và bệnh tật từ lúc sinh ra cho đến khi chết. May thay, nhân vật mà chúng tôi đề cập trong quyển sách này, là người ngoại lệ trên thế gian, trời cho sự minh mẫn sắc bén trăm năm: Nhạc sư Nguyễn Vĩnh Bảo. Ông thật sáng suốt và chịu khó dò lại từng trang hồi ký về mình mà không do chính mình viết (autobiography). Động cơ chính để tôi biên tập hồi ký này, *Nguyễn Vĩnh Bảo – Những giai điệu cuộc đời*, chính vì lý do ông không muốn viết về ông. Dù chưa từng đặt bút trong lãnh vực nghiên cứu về một cá nhân, nghi ngại trăm điều, nhưng tôi quyết định thực hiện không ngoài động cơ ấy.

“Trong lúc nghi ngờ, hãy nói thật” (When in doubt, tell the truth). Tôi thích câu nói này, giản dị mà ý nghĩa, của nhà văn Mark Twain. Tôi được cái may mắn và vinh hạnh kết tập những cây bút cùng viết về nhạc sư Nguyễn Vĩnh Bảo, họ đều là những người có kinh nghiệm nghề nghiệp, có lòng tốt, không câu nệ thời gian và công sức nghiên cứu, sưu tầm, phát hiện, tất cả cùng nhau đi tìm sự thật để nói thật về cuộc đời ông. Thật đến mức tối đa khả năng chúng tôi có thể, vì chúng tôi nghĩ, đó cũng là điều độc giả mong đợi.

Sống giữa đầu hai thế kỷ (XX và XXI), ông kể nhiều mặt về cuộc sống, về kiến thức, về kinh

nghiệm, về tư duy và quan điểm của chính bản thân ông. Chúng tôi lắng nghe, nghi ngờ, và kiểm chứng để mong nói lên một cách nghiêm túc về điều thật. Như các đồng nghiệp tôi ghi nhận, ông là một nhạc sĩ, nhưng vượt lên trên nghề nghiệp ấy, ông là chứng nhân lịch sử âm nhạc và thời sự hiếm có. Xoay quanh trục âm nhạc, ông là nghệ sĩ kéo dài tuổi thọ nhất, nhưng ông tự xem là một con người bình thường hơn nhiều người, khiêm tốn để thấy, lắng nghe được nhiều nhất về những gì đã và đang diễn ra trong xã hội mà ông đang sống. Ông hiện thể là một “con người” thật mà chúng tôi muốn nghe và hiểu, vì chúng tôi muốn biết đúng về những gì gần trăm năm qua đã xảy ra cho ông và trước mắt ông.

Trong một đất nước đầy biến động thì âm nhạc và nhân sinh hẳn phải chứa đựng vô vàn phức điệu và phức tạp. Chúng tôi dõi theo bước chân của ông, tiếng nhạc của ông, cuộc sống của bản thân và gia đình ông để nghiệm ra giá trị của đời người và quê hương. Chúng tôi sưu tầm những kiến thức qua trí nhớ thần kỳ của ông để ghi lại. Khi kể về một ai, ông nói người ấy hiện ra trong trí ông một cách rõ ràng như đang ở trước mặt và có thể mô tả bối cảnh và thời khắc trong ngày ấy. Hai nhà báo Pháp có nhiều uy tín, Olivier Page và Christian Verot, đưa cái nhìn khách quan về ông,

vốn trí nhớ tinh tường ấy của ông và gọi ông là “bách khoa thư”.

Trong lãnh vực âm nhạc, ông không phải là một nhạc công chỉ hiểu *répertoire* đủ để chơi đàn, ông còn là nhà trí thức, nhà hùng biện, và ông phê bình, phân tích âm nhạc một cách thâm thúy. Chúng tôi ghi lại cách phân tích, nhận định của ông, có khi rất khác với những gì chúng ta nghe nói. Kinh nghiệm của ông như một *autodidacte*, chịu khó tự học đứng ngoài học đường, nhưng đứng thực trong lòng xã hội. Sự nhảy bèn để có một kiến thức âm nhạc lẫn ngoại ngữ như ông có thể xem là ngoại hạng, để có thể dạy từ tư gia trong căn gác nhỏ đến đại giảng đường đại học Mỹ, Pháp. Vì thế, cái học của ông mang tính bao trùm do ông sống không ngoài vòng xã hội, mà sống thực như thành phần tích cực của xã hội.

Nghiên cứu về cuộc đời ông, chúng tôi khám phá ra muôn điều thú vị. Ông từng sống “rày đây mai đó”, nhưng chính nhờ vậy mà có được kinh nghiệm to lớn, gặp gỡ hàng trăm nghệ sĩ, lẫn quan chức cao cấp và uy quyền. Chúng tôi đặt vấn đề với ông: “Vì sao thâm nhập được vào giới chức ấy?” Dù ông không trả lời một cách trực tiếp, nhưng chúng tôi nghiệm ra do sự ngưỡng mộ tài năng âm nhạc lẫn kiến thức bao quát của ông mà họ chào

đón ông. Chùng ấy chúng tôi mới ngộ ra rằng “âm nhạc, đồng thời phải có sự vô tư, mới là quan trọng”. Những khi công ăn việc làm lên bổng xuống trầm, lúc nghèo, lúc sang, đi xe hơi dạy nhạc dân tộc mà không có bất cứ một thầy cô cùng khoa nào ở trường nhạc có khả năng kinh tế như thế, ông khẳng khái, được thì dạy, bất công thì thôi, không vì chén cơm manh áo. Nhưng ngược lại, ông cũng có cái “mềm” của một nhà thơ, viết bằng tiếng Việt lẫn tiếng Pháp mà người Pháp phải nể phục. Hẳn nhiên, ông không khỏi trải qua những thất bại, bị chèn ép, bị kiện tụng, cho đến lúc vinh quang nhận những giải thưởng sáng giá, cao quý nhất ở cấp quốc gia mà ít ai có được. Tiếng đàn của ông, như trong tường thuật, có người gọi là “tinh tế”, “điều luyện”, “xuất thần”, “gân guốc”, thậm chí “ma mị” và đã vang xa ra thế giới hoặc có sức lôi cuốn nhiều người ngoại quốc đến căn gác nhỏ của ông để học hỏi một cách trân trọng. Đây là một hiện tượng có một không hai.

Có điều lạ nhất vẫn là tính vị tha, hoan hỉ, hòa đồng của ông với mọi người. Ông không xem học trò của mình là cấp dưới, mà xem họ là bạn. Ông không nhận họ như một niềm hãnh diện của riêng ông, mà để cho thức giả phán xét. Trong những lúc tiếp xúc với ông, ông thường nói “bỏ qua chuyện

cũ” về những hiểu lầm, bất công, có lúc ông dùng câu “tử giả biệt luận”. Thực ra, điều này đã khiến chúng tôi gặp không ít khó khăn lẫn khiếm khuyết về mặt nghiên cứu vì không phản ánh, phô bày trọn vẹn sự thật qua ngòi bút. Nhưng chúng tôi phải thuận theo triết lý sống của ông, đồng thời cũng quay về triết lý trung hòa của Mark Twain: “Sự thật là quyền năng và sẽ áp đảo. Không có gì sai với lập luận này, có điều chưa hẳn là vậy”.

Tiếp cận với nhạc sư Nguyễn Vĩnh Bảo, tức chúng ta tiếp cận với một nét nhân sinh thâm thúy, một kho tàng mà tập hồi ký này không đủ khả năng thể hiện trọn vẹn, dù công trình bắt đầu đã tám năm qua. Những điều khiếm khuyết hẳn nhiên phải có. Chúng tôi mong độc giả thông cảm. Dựa trên phương pháp dẫn truyện từ tác động kịch bản phỏng vấn để thôi thúc mong ông nói ra, chúng tôi có lúc ghi thẳng, có lúc phải dẫn truyện. Nghe và nghiệm. Bản thân tôi may mắn được ông cung cấp cho tất cả hình ảnh, tư liệu hiếm quý về âm nhạc, lịch sử, về cuộc đời (chưa từng xuất bản) khi tôi cần mà ông không nghi ngại.

Tôi hết sức tri ân sự cộng tác và sự kiên nhẫn của các nhà nghiên cứu tham gia tập hồi ký.

Ngoài lòng biết ơn sâu sắc với nhạc sư, tôi cũng chân thành cảm kích các thành viên trong gia đình

ông đã giúp đỡ, khích lệ và cho phép thực hiện công trình này.

Giữa hai giai đoạn lịch sử từ thời thuộc địa cho đến khi độc lập, nhạc sư Nguyễn Vĩnh Bảo là viên gạch nối thật dài, thật lấp lánh. Thế hệ chúng tôi cần học hỏi, và mong những bài học đó sẽ lưu lại cho nhiều thế hệ mai sau.

Nguyễn Thuyết Phong

Chủ biên

1

NHỮNG GIAI ĐIỆU CUỘC ĐỜI

Kim Ưng

(viết theo lời kể của nhạc sư Nguyễn Vĩnh Bảo)

THỬ CHẠM VÀO ÂM THANH

Một đời người! Sống gần một thế kỷ, đã chứng kiến biết bao nhiêu biến cố lịch sử, đã trải qua biết bao bước thăng trầm và cuộc đời cũng nếm trải đủ cung bậc vui, buồn, sướng, khổ..., tôi có thể gọi đó là những giai điệu cuộc đời, được chăng?

Tôi sinh ra ở làng Mỹ Trà, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc vào một ngày mùa thu năm 1918. Tuổi thơ ấu của tôi khá bình yên, êm đẹp. Đất này là đất của sông nước, kênh rạch, ruộng đồng mênh mông, có lẽ vì vậy mà tính cách của người miền Nam cũng phóng khoáng và hơi chút ngang tàng, theo kiểu

nói của cụ Đồ Chiểu “giữa đường thấy chuyện bất bằng, chẳng tha”. Nhưng cũng trên mảnh đất miền Nam này, con người sống rất tình cảm, chân tình. Theo cặp mắt quan sát và suy nghĩ của tôi, tính cách đó thường thấy thể hiện qua tiếng hò trên sông, trên đồng ruộng; nhưng ở một góc khác, nó còn thể hiện qua tiếng hát, bài đờn khá bài bản của các nhóm ba bốn người tụ tập trong phòng khách trang trọng hoặc trong xóm, trong làng, mà sau này, người ta quen gọi là chơi đờn ca tài tử.

Hồi còn nhỏ, sống trong làng Mỹ Trà, tôi cảm thấy vùng đất nơi mình ở thật rộng. Dọc hai bên lộ cái đường liên tỉnh, người ta trồng nhiều cây cao, to. Nhà cửa trong làng hồi ấy còn thưa thớt nhưng người xóm trên, người xóm dưới đều biết rành gia đình nhau. Ba tôi là con trai của một điền chủ đất Cao Lãnh; ông lớn lên cũng là điền chủ nhưng có thêm nghề đông y, hốt thuốc, trị bệnh cho bà con trong làng. Lớn lên, tôi mới biết ba tôi chọn thêm nghề đông y, cũng xuất phát từ tâm nguyện của ông nội tôi, một điền chủ theo Nho học. Cả cuộc đời ông nội chỉ mong muốn con trai mình làm thầy thuốc, làm điều thiện, điều lành, cốt là để đức lại cho con cháu đời sau. Tâm nguyện ấy, ông nội muốn ba tôi ghi tâm, khắc cốt như theo quan niệm về đạo đức tốt đẹp của người xưa:

Người trồng cây kiểng, người chơi

Ta trồng cây đức để đời về sau.

Ở nhà, ba tôi “lúc nào cũng bận rộn việc khám bệnh, hốt thuốc”, má tôi nói, “vậy mà không biết ông học lúc nào mà biết đủ nghề cầm, kỳ, thi, họa?” Cứ lâu lâu, ba tôi mời những người bạn quen đến nhà ngâm ngợi thơ phú, văn chương. Về thú chơi đàn, ông sử dụng thành thạo ba nhạc cụ: đàn kìm, đàn tranh, đàn cò. Trong làng, người ta biết ông Nguyễn Hàm Ninh (tức ba tôi) rất sành nhạc lễ, nhạc tài tử và hát bội. Mấy người bạn tri âm chơi đàn với ba tôi nhận xét ông hát Nam, hát Khách, không thua kém một kếp hát bội chuyên nghiệp.

Nhà tôi có bảy anh chị em: bốn anh con trai và ba cô con gái. Anh em chúng tôi rất tự hào vì có “gien” nghệ thuật của ba. Tính ra, gần như bốn người con trai của ba tôi đều có năng khiếu âm nhạc, biết sử dụng đàn kìm, đàn tranh, đàn xến, đàn mandoline, biết chơi một số bản đàn ca tài tử. Có điều, sau này lớn lên, anh hai, anh ba, anh bảy của tôi đều theo đuổi nghề sư phạm, nghề luật sư... Chỉ riêng tôi, có phải vì đam mê âm nhạc mà định mệnh của tôi đã gắn liền với âm nhạc suốt cả cuộc đời?

Có phải mỗi người đều có số phận và do mình tự chọn lựa số phận của mình? Hồi nhỏ, ai ở trong

THƯ VIỆN ĐỒNG THÁP
THÔNG GIA CHI

nhà cũng đều nhận xét tôi có năng khiếu âm nhạc, mới lên năm, tuổi còn con nít mà đã mê đồn. Trong ký ức, tôi còn nhớ những cây đồn ba tôi treo trên vách ở phòng khách. Nó như một kho tàng âm thanh bí ẩn, cứ như hối thúc tôi hãy khám phá. Mỗi ngày, cứ len lén nhìn không thấy ai ở phòng khách, tôi đã thử chạm tay vào từng sợi dây đồn và đưa ngón tay nhỏ bé của mình gảy nhẹ từng dây đồn, rồi lắng nghe từng âm thanh của mỗi sợi dây đồn mà lòng vui sướng khôn xiết. Tôi không dè, sự say mê những cây đồn của mình đã được má tôi nhận ra. Má tôi là người phụ nữ đảm đang và tinh tế. Trong làng, người ta thường gọi bà là bà Hội đồng, cách xưng hô này là gọi theo vai trò “Ông Hội đồng” của ba tôi trong Hội đồng Hội thẩm (Conseiller Assesseur), chứ tên thật của bà là Nguyễn Thị Cận. Có phải vì để ý đến gương mặt rạng rỡ, vui sướng của tôi mỗi lần chăm chú, lắng nghe ba tôi và những người khách của ông chơi đồn với nhau, nên bà đã giả bộ quên lệnh của ba tôi, rằng “cấm không cho thằng nhỏ học đồn”. Lúc đó, tôi chỉ biết ầm ỨC và cũng chưa đủ trí khôn để suy nghĩ vì sao ba tôi rất phong lưu, tài tử, tài hoa như vậy mà lại không cho phép con trai sờ đến cây đồn? Chỉ có một điều tôi nhớ như in là má tôi có lúc an ủi cậu con trai nhỏ của mình “ba tụi bây sợ tụi bây mê đồn

quá rồi chảnh mảng chuyện học hành ở trường!” Tôi mừng quá, vậy là muốn được học đờn thì mình phải học chữ thật giỏi. Vậy là, kể từ đó tôi chú tâm học chữ nghĩa ở nhà trường và càng hào hứng, chú tâm luyện đờn cùng anh hai, anh ba, anh bảy. Rất may, kết quả học tập ở nhà trường luôn được báo tốt nên ba tôi yên tâm. Lật bật luyện đờn một thời gian, tôi đã sử dụng thành thạo cây đờn đoản nhỏ, mua được ở tiệm chú Hằng, một Hoa kiều ở Cao Lãnh. Đây là loại đờn có thùng tròn giống đờn kìm (nguyệt), dày 3 tấc, cần ngắn 15 phân, 2 dây tơ. Ngoài cây đờn đoản này, tôi còn mua được cây đờn kìm nhỏ duy nhất cũng tại tiệm chú Hằng.

Hồi đó, ba tôi muốn bốn, năm thợ mộc và một thợ cưa từ miền Trung vào để làm nhà, làm cửa. Họ cất lán trại mọc cạnh bờ sông. Buổi trưa, gió sông thổi vào mát rười rượi. Thường lúc rảnh rỗi, tôi thích ra đây chơi với mấy anh thợ để tha hồ bào, đục gỗ vụn, làm thủ công, làm đồ chơi. Trong nhóm thợ này, có anh tên Sáu Cọp biết đờn độc huyền (còn gọi là đờn bầu). Mỗi lần nghe anh đờn, tôi đến nhờ anh dạy, nhưng anh Sáu bảo cứ nghe mà bắt chước theo. Cách “truyền nghề” của anh là vậy! Tôi cứ thế tập đờn theo nhưng chẳng biết nhấn nhá gì nên âm thanh cứ kêu xèng xèng. Cho đến một lần tình cờ tay tôi chạm mạnh vào dây, thế là

tiếng đồn bật ra. Mê quá, tôi như khám phá ra một thế giới diệu kỳ của âm thanh từ đấy. Có lẽ nhờ bàn tay được chạm vào những cây đồn và dụng cụ nghề mộc rất sớm nên sau này, tôi cũng có “duyên” với nghề đóng đồn và truyền thụ nó cho con cái, dù nghề này cũng từng trải qua bao lao đao, lận đận!

Khi ba tôi nới lỏng lệnh cấm, cho phép con cái học đồn, má tôi hết sức thương chiều, khuyến khích tôi đồn và tìm thầy trong làng dạy đồn kìm, đồn gáo cho tôi. Năm lên 12 tuổi, ba má tôi cho phép tôi thọ giáo đồn tranh với một số thầy đồn có tiếng trong vùng. Mặc dù học với mỗi thầy ít thôi nhưng tôi đã nỗ lực, tự mày mò, tìm tòi, phát triển thêm cho ngón đồn của mình. Tôi học đồn với thầy Hai Lòng (Tam Bình, Vĩnh Long), thầy Ba Sáng (Trà Vinh), thầy Năm Nghĩa (Trà Ôn), thầy Sáu Tý (Cao Lãnh)... Được học đồn, tôi như con chim tự do bay cao, tự do ca hát; câu chuyện e dè, ngại ngẩn thử chạm vào những sợi dây đồn dạo nào không còn nữa; giờ đây tôi đã được đồn tự do, được gần bó với âm nhạc, tự nhiên như hơi thở của mình.

Ở Cao Lãnh, ba tôi cũng là một trong những người được xếp là rất hiếu khách. Thỉnh thoảng, phòng khách nhà tôi là nơi họp mặt của nhiều nhà nho, văn nhân, thi sĩ, nhạc sĩ mà trong trí nhớ, tôi ghi nhận mấy chú, mấy bác này không phải chỉ là

người nói giọng miền Nam, mà có cả giọng miền ngoài – giọng Bắc, giọng Trung. Mỗi lần khách ghé thăm ba tôi thì y như rằng sẽ có cuộc đàm đạo chuyện đàn; hoặc đôi khi, hết sức ngẫu hứng, các ông xách đàn ra hòa tấu cùng nhau. Đây là cơ hội quý báu, để tôi có dịp “nghe lóm” các bậc cha, chú nói chuyện xã hội, thời sự và trao đổi kinh nghiệm âm nhạc từ những vùng miền khác nhau. Tôi say sưa lắng nghe mọi câu chuyện. Có những câu chuyện về thể sự mà tuổi nhỏ, tôi chưa đủ trí khôn để hiểu; nhưng cũng có những câu chuyện bàn về âm nhạc, tôi nghe ít mà hiểu nhanh một cách sáng dạ và tự trả lời những thắc mắc bấy lâu không biết hỏi ai về bài bản đàn hay kỹ thuật cơ bản đóng một cây đàn. Hân hạnh hơn, có lúc tôi còn được ba tôi và mấy chú, mấy bác khích lệ, cho phép đàn chung với một số nhạc sư cao niên từ một số địa phương khác ghé thăm.

Rồi càng ngày, càng lớn lên, từ mê thích học đàn, tôi được kết giao với nhiều thầy đàn, bạn đàn. Trong số này, có khá nhiều người lớn tuổi hơn tôi. Chẳng biết tại sao các anh lớn thường thích rủ tôi đi chơi. Chắc một phần vì tôi biết đàn sớm, có thể hòa tấu nhạc được với mấy anh; và một phần, có lẽ tánh tôi cũng ít lóc chóc như mấy thằng bạn cùng trang lứa chẳng? Ngược lại, phải chăng vì làm bạn

đờn với mấy anh lớn nên tôi chịu ảnh hưởng “cái tính người lớn” của họ. Tôi được coi là “khôn trước tuổi”, “già trước tuổi”. Có lần, một anh nhận xét về tôi “cậu chín mấy coi nhỏ tuổi mà chững chạc, người lớn hơn mấy người bạn cùng trang lứa, đó ghen!”

Những năm này, khi tôi lớn lên đã thấy phong trào đờn ca tài tử ở Cao Lãnh phát triển mạnh. Mấy anh thanh niên biết đờn, tụ tập nhau thành nhóm. Tôi nhớ cũng khoảng thời gian những thập niên 30, 40, bộ môn nghệ thuật cải lương, như một món ăn tinh thần không thể thiếu, đang đi sâu vào đời sống xã hội. Bà con từ thành thị đến nông thôn ai nấy đều ưa thích cải lương. Thường vào dịp Tết, mùa gió chướng về, thời tiết se se lạnh, gánh hát hay về quê diễn tuồng. Có thể lúc đó chuyện ruộng nương tương đối rảnh rỗi hơn những mùa khác trong năm. Ở Cao Lãnh, tôi nhớ lâu lâu có gánh hát nào về hát mấy tuồng tích dù mới hay cũ, bà con đều mê. Gánh hát về làng, không có rạp, thường diễn ở nhà lồng chợ. Họ dựng sân khấu rồi bọc đệm, bọc vải xung quanh mấy cây cột nhà lồng để làm rạp; trước cửa dựng thêm mấy tấm pa-nô giới thiệu tuồng hát và để một cái bàn bán vé. Khán giả ở Cao Lãnh lúc bấy giờ cũng nhiều loại: mấy bà có tiền ngồi ghế hạng nhất thích chưng diện, thích đeo hột

xoàn; mấy cô gái mặc đồ đẹp, tóc kẹp gọn gàng dễ e thẹn, còn mấy anh con trai cũng bánh bao, tóc chải bảy ba nhưng rất đứng đắn, hàng hoàng; chỉ có bọn trẻ lóc chóc, đứa nào có tiền thì mua vé coi hạng cá kèo, không có tiền phải đợi gánh hát thả giàn mới vào coi được. Nhưng hơi sức đâu mà chờ đến lúc đó, chỉ cần đợi mấy người canh cửa lơ đễnh một chút, lập tức mấy ông nhỏ con nít vạch đệm chui vào “coi hát cộp”. Trong rạp, ở khoảng giữa những hàng ghế khán giả, người ta treo đèn manchon trên cao, tỏa sáng cả rạp. Đêm nào, tôi cũng theo mấy ông thầy đồn ngồi ở cánh gà. Đợi văn hát, anh hai, anh ba, anh bảy tôi và một số bạn bè thân thiết mời mấy nhạc sĩ, nhạc công kéo về nhà ăn cháo gà, giao lưu đồn ca tài tử đến gần sáng. Tôi bắt đầu được làm quen với nhạc sĩ Sáu Tùng, tên thật Huỳnh Văn Sâm (thân sinh tay trống Huỳnh Anh và nữ danh ca đồn ca tài tử Bạch Huệ) cũng từ những gánh hát như thế này.

Tôi nhớ mấy lần chúng tôi còn tổ chức đồn ca tài tử trên chiếc ghe “du hồ” của ba tôi, đậu ở bến sông gần nhà. Mấy anh mua tôm càng xanh sống chỗ đóng đáy rất rẻ. Một anh xung phong đốt than trên cà-ràng rồi kiếm mấy cái quạt mo quạt phần phật. Chẳng bao lâu, mùi tôm nướng từ cà-ràng lan tỏa, thơm lừng... Tụi tôi tụ tập chơi đồn thật hào

húng. Ngồi đờn, hát với nhau đến lúc trăng lên cao rồi, mà anh em chẳng ai chịu buông đờn. Hồi đó, tôi chưa biết nhận định âm thanh tiếng đờn trong khung cảnh ở phòng khách hay ngoài trời khác nhau như thế nào. Sau này, tôi nghiệm ra rằng âm thanh tiếng đờn trong phòng khách khá ấm cúng (không gian thính phòng). Ở đó, dần dà, tôi nhận ra tiếng đờn của mấy thầy đờn khi nào là đối đáp, khi nào là nhường nhịn, từ tốn và cũng có khi đuổi bắt nhau thật sôi nổi.

Bấy giờ, nghe tiếng đờn ban đêm trên sông vào những lúc trăng mờ, nước thủy triều xuống như thế này, trong không gian bao la, tôi cảm thấy dường như nó mang một âm sắc quyến rũ, thật lạ lùng cho người nghe! Nghe đờn trên sông buổi tối, người ta dễ buồn, tâm cảm dễ bồi hồi. Nó giống như tâm trạng buồn khi nghe những tiếng chuông chùa. Nói điều này, tôi lại nhớ thuở nhỏ, thỉnh thoảng ở bên này sông, tôi nghe văng vẳng tiếng chuông chùa Linh Sơn ở xóm Hòa An bên kia sông vọng lại. Tiếng chuông vào ban đêm dễ gây buồn như thế. Sau này dù lớn khôn hơn một chút, tôi vẫn cứ thắc mắc, không biết cất nghĩa tại sao tiếng chuông chùa thường nghe buồn hơn tiếng chuông nhà thờ? Rồi không biết có ngẫu nhiên trùng hợp hay không, thời điểm ấy, người ta hay nhắc đến bài *Văng vẳng*

tiếng chuông chùa (thực ra, bài này tên *Vĩ tiền lối đạo*, chẳng qua về sau có người không hiểu cái gốc nên gọi tên theo câu đầu là *Văng vẳng tiếng chuông chùa*). Bài này hồi đó có nhiều người ca hay như Ba Tuất, Tám Thừa, Tư Bé nhưng người nghe biết nhiều nhất là giọng ca anh Năm Nghĩa (chồng của bà bầu Thơ và cũng là người cùng bà sáng lập gánh hát Thanh Minh – Thanh Nga). Tôi có anh bạn quen, lâu lâu mở đĩa hát nghe Năm Nghĩa ca, nhịp đờn chậm chậm, anh trầm ngâm rồi có lúc kêu lên khe khẽ: “Trời ơi! Nghe sao mà buồn thấm thía!”

TÀU NAM VANG CHẠY NGANG CÔN CÁT

Tôi được ba má cho đi học chữ khá sớm. Thuở nhỏ học trường Tiểu học làng Mỹ Trà, có thời gian ngắn, tôi được lên Sài Gòn học lớp Nhì (cours Moyen), nội trú trường Huỳnh Khương Ninh, đường d’Ariès, Đa Kao (quận 1 bây giờ). Chắc tại hồi nhỏ tính hay rần mắt nên chỉ mấy tháng, tôi lại trở về Mỹ Trà học lớp Nhứt (cours Supérieur), rồi lấy bằng Sơ học (Certificat d’Études Primaires Franco-Indigènes, viết tắt là C.E.P. F.I.). Má tôi thường khuyên: “Muốn tiến bộ như anh hai, anh ba, anh bảy, con phải cố gắng học.”

Đáng lý, học tiếp năm thứ nhứt Trung học (Première année d’Études Primaire Supérieures)

nhưng do hoàn cảnh gia đình, tôi học lớp dành cho học sinh đã đậu bằng Sơ học (Cours des Certifiés) tại Vĩnh Long. Bây giờ tôi được đi học xa nhà, nên ba má lại bận tâm tìm nhà trọ cho tôi. Cũng may, anh ba tôi (Nguyễn Quang Cảnh) nghe chuyện biết được, đã xin ông Tống Hữu Định cho tôi ở trọ nhà ông. Bởi anh ba tôi là con rể của ông Tống Hữu Định, ông dễ dàng đồng ý và cũng vì một lẽ nữa là ông rất quý ba má tôi. Ở đây, người ta quen gọi ông Tống Hữu Định là Thầy Phó Mười Hai, tôi không biết tại sao người ta đặt tên ông như vậy, có điều về tính tình, ông là người rất hiền lành, cởi mở. Nhà ông là một villa trệt rất rộng, có khoảng sân thật mát mẻ. Tôi nhớ mỗi lần từ nhà ông đi ra con lộ lớn (còn có tên ngồ ngộ là đường Cầu Lộ). Dọc theo hai bên đường là hai hàng cây bông sứ, loại cổ thụ, có nhiều bông, hương thơm ngào ngạt. Cây bông này hình như ở ngoài Bắc gọi là cây hoàng lan. Bông có cánh dài, thanh mảnh, màu xanh màu vàng chen lẫn, mỗi sáng thường rụng xuống, đầy cả mặt đường. Thỉnh thoảng, tôi cũng lượm vài cái bỏ vào túi áo rất thơm.

Đi học xa nhà một thời gian, tôi nhận biết kinh tế gia đình đang gặp hồi sa sút, khó khăn như trong tình hình chung của kinh tế xã hội lúc bấy giờ. Mặc dù ở bên ngoài, xét ra, gia đình tôi vẫn còn có đất, có ruộng, không đến nỗi thiếu kém lắm so với mọi

người. May mắn hơn, trong nhà, các anh trai lớn của tôi cũng đã học hành thành tài; ba má tôi đã đỡ lo phần nào chuyện ăn học cho các con. Nhưng tự nhiên, tôi muốn mình phải tập sống tự lập. Phải tháo bỏ bớt gánh nặng trên vai cha mẹ! Sau nhiều đêm suy nghĩ, tôi đã tìm một hướng đi cho mình, bằng cách xin phép ba má cho tôi đi học nghề thợ bạc ở nhà người cậu. Cậu tôi vốn là chủ lò thợ bạc Long Khánh, một làng trù phú nằm ở cù lao nhỏ Tân Châu (Tân Châu có hai cù lao: cù lao lớn và cù lao nhỏ). Hồi ấy, nghề thợ bạc là nghề mới mẻ nhưng bắt đầu phát triển thịnh hành ở nhiều vùng đất lục tỉnh Nam Kỳ. Nghề này về chuyên môn đòi hỏi người học phải khéo tay, kiên trì, và hết sức tỉ mỉ, tinh tế. Dù cho ban đầu chỉ với ý định học cho có một nghề trong tay chứ không phải vì yêu thích nhưng tôi nghĩ một khi mình không học nghề thì thôi, đã học thì phải nắm bắt cho giỏi, để lúc ra nghề không thua kém ai. Có lẽ nhờ tinh thần này mà tôi được thầy dạy nghề khen là anh thợ nhanh trí, khéo tay. Học nghề thợ bạc mới sáu tháng, tôi đã biết cách làm neo, làm cà rá, đánh dây chuyền...

Nghề thợ bạc sẽ giúp tôi mưu sinh dễ dàng hơn chẳng? Người đời thường nói câu “Thông ngôn ký lục, bạc chục, không màng; Lấy chồng thợ bạc, đeo vàng đỏ tay”. Ai cũng tưởng như vậy.

Thế mà, xui rủi, đây là thời kỳ kinh tế thế giới bị khủng hoảng (1929-1933), càng lúc chiều hướng khủng hoảng lan rộng đến các nước thuộc địa Pháp ở Đông Dương. Ai dè, học xong nghề thợ bạc, tôi cũng khó tìm việc làm. Đi đâu, tôi cũng thấy người nghèo, thiếu trước, hụt sau; ai có tiền, có của dư dàu mà làm đồ trang sức! Tôi nghĩ đến chuyện phải đi xa, may ra có thể dễ kiếm việc làm. Nhìn lại gia đình: các anh trai lớn của tôi đều làm việc ở Sài Gòn; các chị có chị sáu sau khi lấy chồng đã sang Nam Vang lập nghiệp. Tôi còn đang băn khoăn không biết chọn nơi nào giữa hai địa điểm Sài Gòn và Nam Vang thì anh chị sáu đã viết thư thúc giục tôi sang Nam Vang, với lời khuyên hết sức thiết thực: “Ở bên này, cậu chín để tìm việc làm hơn!”

Thế là, một buổi sáng, tại bến tàu chạy từ Vĩnh Long – Sa Đéc qua Nam Vang, tôi quyết định xách chiếc va-li cũ và cây đàn mandoline, bước xuống tàu...

Khoảng thời gian những năm 1930 trở đi, đường thủy từ Cao Lãnh lên Nam Vang có mấy chiếc tàu nhỏ (chaloupe): Lợi An, Vạn An, Nghĩa An, Hồng An. Còn nếu đi lên Chợ Lớn có chiếc Hồng Hoàng. Ngoài ra, có ba chiếc tàu Nam Long, Thuận Sanh, Hòa Sanh, Hồng Sanh chạy từ Cao

Lãnh – Châu Đốc, đi qua Mỹ Luông, Chợ Thủ, Chợ Vàm, Tân Châu, Hồng Ngự...

Bên cạnh đó, loại tàu lớn hơn chạy Sài Gòn – Nam Vang có 4, 5 chiếc mới. Trong mấy chiếc này, có chiếc Long Hồ, chủ tàu người Việt là ông Phán Nuôi. Bốn chiếc còn lại là của chủ người Pháp: Louis Blanchet, Jules Rueff, Mekong, Battambang. Tôi thường chọn chiếc Louis Blanchet để đi vì nó là chiếc tàu lớn, có cabin để nằm riêng. Nhưng thiệt ra, tôi vẫn thích ngồi chơi ở ghế bố nằm phía sau tàu.

Khi bước xuống tàu, tôi chọn một ghế bố ngồi tương đối dễ ngắm cảnh trên sông. Tàu chạy khỏi Cao Lãnh khá xa; bấy giờ, buồn tình, tôi lấy cây đàn mandoline ra đánh chơi. Càng đàn, càng hào hứng! Mải mê đánh đàn, đến lúc ngẩng lên, tôi nhận ra Trần Ngọc Mỹ, anh bạn học cũ đang ngồi kế bên mình. Cũng ngẫu hứng, Mỹ bảo tôi đàn cho anh ca bài Tây Thi, kể chuyện về Lý Nguơn Bá. Bỗng dưng, hai chúng tôi làm không khí trên tàu “xôm tụ” hẳn. Hành khách và mấy anh mạch-lô ngồi quanh thích thú, vừa coi, vừa nghe và tán thưởng. Câu chuyện đàn ca của tụi tôi hóa ra giúp vui hành khách, khiến ông Phó Cò tàu vui ra mặt. Ông tỏ ra ân cần với “hai nghệ sĩ bất đắc dĩ” chúng tôi. Ông còn hứa hẹn sẽ không lấy tiền vé tàu tụi

tôi. Tôi nghe cũng cảm thấy vui vui, cười tủm tỉm với Trần Ngọc Mỹ.

Tàu chạy cả tiếng đồng hồ, sắp ra tới vàm sông, Mỹ không hát nữa, bỏ đi mượn ghế bố nằm. Tôi cũng thôi không đờn, ngả lưng trên ghế bố sau đuôi tàu. Đã nằm thì hay suy nghĩ mông lung! Tôi nghĩ đến gia đình và cảm thấy mình đáng trách vì chưa làm cho ba má yên lòng. Rồi đây đến Nam Vang, mình sẽ làm gì để có công ăn, việc làm? Tôi đã từng theo nhà đi chơi ở Nam Vang từ mấy năm trước, từng phụ việc lấy thuốc sau khi ba tôi coi mạch, bốc thuốc cho bệnh nhân (hồi nghề nghiệp đông y hưng thịnh, ba tôi có hai tiệm thuốc ở Nam Vang, nằm trên đường Hassakan và An Duong). Nhưng, giờ đây, chính là lúc tự mình phải kiếm việc làm, tự xoay xở lo cho bản thân mình, tôi có chút lo nghĩ.

Rồi tôi lại nghĩ mông lung về chuyện thời đi học thật hiếu động của mình. Có lần tôi đã rải truyền đơn chống Tây, theo lời khích lệ của một số anh lớn trong làng có ý hướng chống Tây. Mấy ảnh nung nấu thêm cho tôi tình cảm “ghét Tây” vốn tự phát, nó đã có trong suy nghĩ của tôi từ lâu. Bởi ngay từ nhỏ, tôi đã chứng kiến không ít cảnh người Pháp bạt tai, đá đít, đánh đập người dân trong quận Cao Lãnh. Nhiều lần trong đầu óc tôi rất bất bình và thắc mắc: Mấy người Tây này lấy quyền gì mà đánh

người Việt mình? Họ lấy quyền gì mà khinh nhờn người Việt mình? Trong khi họ từ đất nước khác đến đây chiếm đất của mình, rồi bắt mình phải học tiếng của họ! Lần đó, được lệnh mấy anh giao, tôi tự viết mực tím học trò và in bằng su-soa lên giấy cho được nhiều tờ truyền đơn với lời lẽ chống Tây. In xong, tôi đến nhà Chín Phan, một anh chàng rất giỏi chơi cờ tướng, bạn học cùng lớp với tôi và Thanh Nha. Sở dĩ tôi chọn nhà Chín Phan cũng một phần là do tôi biết đây là nhà ông Chủ Đồi, ba của Chín Phan và cô giáo Đan (cô giáo Đan lúc đó đã là vợ của bác sĩ Nguyễn Văn Hưởng).

Nhà này chắc chắn ít ai chú ý. Hơn nữa, nhà ở gần chợ, đúng ngay mục tiêu tiếp cận của tôi. Tối đó, tôi leo lên nóc nhà Chín Phan, để sẵn chống truyền đơn trên nóc; vậy là khỏi cần phải lén ra chợ rải truyền đơn làm chi cho bại lộ. Thế là, đêm đến, gió thổi mạnh, mấy chống truyền đơn cứ thế, tự bay tá lả khắp chợ. Bà con đi chợ sớm, nhiều người tò mò lượm truyền đơn lên coi, xì xào. Mấy anh lớn âm thầm theo dõi kết quả việc làm của tôi; lúc gặp mặt, mấy anh khen tôi làm giỏi, làm gọn gàng, giữ được bí mật. Nhưng khi chuyện bị đổ bể, dù không bắt được quả tang, hậu quả dành cho tôi cũng khá gay gắt: Tôi bị đuổi học!

Nghĩ mông lung, vừa gác được chuyện học hành, gác nỗi lo mưu sinh qua một bên, tôi lại liên tưởng đến một người con gái... Ôi! Thật lạ lùng, khi quyết định ra đi, tôi đã dặn lòng là không nên tư tưởng gì đến cô ấy nữa, nhưng không biết tại sao, trong phút giây này, trong chuỗi suy nghĩ dài ngắn đứt đoạn, hình bóng cô gái nhỏ đó luôn xuất hiện trong tâm trí tôi! Hình bóng ấy càng lúc càng hiện rõ trong đầu tôi: lần đầu tiên tôi gặp cô gái ấy, cô mặc chiếc áo thêu trắng xinh xắn, dáng điệu dịu dàng, thùy mị. Gương mặt thanh tú, đôi mắt to, đen, như luôn dò hỏi, trông thật ngây thơ mà đầy tình cảm ân cần. Khi chào tôi, cô mỉm cười thật xinh, gương mặt bừng sáng. Nụ cười ấy làm tôi muốn chao đảo, dường như trong lòng tôi đang có một cung đàn rung lên một cách êm ả, diệu kỳ...! Tôi biết cô tên Nguyễn Thị Trâm Anh, con ông bà Huyện Ngự, gốc ở Bình Dương nhưng về Sóc Trăng làm việc. Trâm Anh đến ở Cao Lãnh thăm người dì thứ tám. Bà là vợ Hương quán Sen, cũng có bà con xa với gia đình tôi. Hai vợ chồng dì tám không có con cái nên xin ông bà Huyện Ngự cho Trâm Anh về đi học ở Mỹ Trà. Thỉnh thoảng tôi vẫn gặp cô học trò nhỏ này đi học cùng em gái tôi. Tình cờ Trâm Anh đến thăm cậu út mười của cô (cậu út mười này vốn là bạn của tôi) có buổi đàn ca tài tử tại nhà cậu út mười. Như

chuyện đời thường hay mô tả văn vẻ, người ta bảo khi mới gặp nhau đầu tiên, nếu có duyên với người đó, mình sẽ có cái cảm giác lạ lùng của “coup de foudre” – “tiếng sét ái tình”. Một cảm xúc không thể cắt nghĩa! Tôi đã có cái cảm xúc bàng hoàng trước nụ cười thẹn thùng, e lệ và giọng nói nhỏ nhẹ của cô gái nhỏ nhắn, xinh xắn ấy! Trâm Anh lúc nói chuyện đã gọi tôi là “cậu ” (xưng hô theo vai vế của cô đối với cậu út mười trong gia đình). Cô gái hồn nhiên ấy cũng thích nghe tôi đàn và có lần yêu cầu tôi đàn bản cô thích: “Cậu đàn ca lại bản canh 1, canh 2, canh 3... gì đó đi!” Tự nhiên, tôi nhìn cô với một sự trực cảm thiêng liêng lạ kỳ và tự nhủ: “Đây đúng là người mình chọn. Lớn lên, nhất định mình sẽ cưới cô này làm vợ!” Nghĩ là nghĩ vậy thôi, rồi tôi cũng quên bẵng, đâu đã biết yêu đương gì. Hơn nữa, hồi này, mấy anh con trai mới lớn còn nhát lắm! Dẫu có ý, có tứ với cô gái mình yêu mến vẫn cứ giữ kín trong lòng, coi như không có chuyện gì xảy ra. Câu chuyện tình cảm của tôi rồi cũng nhẹ nhàng nằm im trong tim. Sau thời gian học ở Cao Lãnh, Trâm Anh lại trở về Sóc Trăng với gia đình.

Thời gian sau, trở thành anh con trai đỉnh đặc hơn một chút, tôi bỗng nhớ đến Trâm Anh nhiều hơn. Thì ra lúc nào cô cũng lẫn khuất đâu đó trong tâm tưởng của tôi! Bởi vậy, trước ngày chuẩn bị đi

Nam Vang, không ai biết buổi sáng hôm đó, tôi đã đón chuyển xe sớm từ Cần Thơ xuống Sóc Trăng, giá xe lúc này độ 3 các rưỡi. Tôi đi tìm Trâm Anh theo mệnh lệnh của trái tim, chỉ mong thấy mặt cô rồi ra về cũng được. Vừa xuống bến xe Sóc Trăng, tôi tìm đến ngôi trường Dòng nơi Trâm Anh theo học. Đi ngang qua cầu quây, thật ra ngày xưa có hai cầu sắt; về sau, người ta đã dỡ bỏ một cầu nên cầu còn lại có tên Cầu Quây. Trời lúc này chưa nóng lắm, tôi đi dưới hàng cây sao cao, dọc hai bên đường. Không biết người ta trồng cây sao hồi thời nào, nhưng chính nhờ dãy cây sao này, cảnh quan hai bên đường đẹp hơn. Tôi đi lang thang qua hai dãy phố ra chợ Sóc Trăng. Chợ lúc này còn lèo bèo chưa sầm uất lắm. Đi chơi một lúc tôi sợ đến giờ học sinh tan trường, phải quay lại. Giờ tan học, học sinh lần lượt ra về gần hết. Tôi chăm chú nhìn kỹ từng người, vẫn không thấy bóng dáng Trâm Anh! Không biết hôm đó, cô bị bệnh, không đi học hay là bận việc gì phải ở lại luôn trong trường? Nấn ná mãi, tôi cố chờ đến đầu giờ buổi học chiều cũng không thấy Trâm Anh! Nhưng thật ái ngại, tôi biết tìm ai để hỏi thăm người mình thương, mình nhớ...! Chờ mãi đến 2 giờ trưa, tôi thất thểu đi qua Cầu Quây, đón chuyển xe cuối của Sóc Trăng đang “đề” máy chuẩn bị trở lại Cần Thơ. Lúc này, đầu óc

của tôi trống rỗng, trong lòng cứ buồn rười rượi,
như một kẻ thất tình!

...

Tàu đang chạy, lâu lâu sắp đến bến trạm nào
đó, tàu “súp lè” inh ỏi. Một lúc sau, hơi yên yên,
bỗng dừng ai đó cao hứng cất tiếng hò:

Hò...ơ...

Tàu Nam Vang chạy ngang cồn cát

Thuyền câu anh đậu sát mé chà

Biết em còn một mẹ già

Muốn vô hoạn dưỡng biết mà đừng không?

Hò...ơ...

Con cá lòng tong

ẩn bóng ẩn rong;

Anh đi lục tỉnh giáp vòng;

Tối đây, Trời định, xui lòng thương em...

Hò...ơ...

Ngó lên Châu Đốc Vàm Nao

Thấy tàu anh chạy như dao cắt lòng...

Trời ơi! Sao câu hò nào cũng như thấu hiểu tâm
can bị giằng xé của tôi lắm vậy! Lòng tôi như chùng
lại, không nguôi nghĩ về Trâm Anh. Ngó lên Châu
Đốc Vàm Nao. Thấy tàu anh chạy như dao cắt lòng.
Chính ra câu hò ấy đang vận vào người của tôi, là

dao đang cắt lòng tôi thì đúng hơn. Tôi cảm thấy nhớ cô gái nhỏ ấy vô cùng! Không biết bây giờ cô đang ở đâu...?

CHỚP MẮT MỘT QUANG ĐỜI

Tôi lên Nam Vang khoảng năm 1935, vừa đúng 16 tuổi.

Đến Nam Vang, tôi ở nhà người chị thứ sáu, tên Nguyễn Thị Xuân Lang. Anh rể tên Nguyễn Hữu Bửu, là thầy giáo dạy trường tiểu học. Cuộc sống giới công chức lúc bấy giờ còn được coi trọng nên anh chị sống tương đối dễ thở. Tìm việc trong thời gian ngắn, tôi được nhận làm thu ngân viên hăng nước đá Le Sud Industriel của một người Pháp, trên đường Bouloche. Lương ban đầu được trả 14 đồng một tháng. Công việc thu ngân rất đơn giản, nhàn hạ. Mỗi ngày công việc cứ lặp đi, lặp lại không có gì mới mẻ. Dần lâu, tôi thấy quá nhàm chán. May mà, bù lại, tôi có thời gian chơi đàn nhiều hơn và đôi khi còn đi tập tốp hát với bạn bè. Gọi là tập tốp cho oai, chứ chỉ là một nhóm bạn tụ tập thành “gánh hát tự phát”, thiếu đào, thiếu kép và thiếu cả... thầy đàn! Cho nên, lần nọ tôi được mời đóng vai một anh thanh niên si tình. Diễn xong lớp tốp, tôi xuống ngồi đàn bên cánh gà trái; khi nào đến vai, tôi lại trở lên diễn tiếp. Có lẽ nhờ gương

mặt “ăn sân khấu”, nên lúc đó cũng có các cô gái coi hát ái mộ, khen tôi đẹp trai. Tôi nghe chỉ biết cười tủm tỉm, hóa ra, có lên sân khấu, tôi mới biết mình được xếp vào hạng kếp đẹp. Hèn gì, hồi đó, lần tôi xin giấy đi đường, ông Đốc phủ Đãnh bước tới vỗ vai tôi, khen: “Sao mà gương mặt cậu đẹp như mặt con gái vậy?”. Ông nhận xét như vậy sau khi coi tấm ảnh của tôi dán để làm giấy đi đường (titre de circulation) và ông đã vui vẻ ký tên vào giấy đi đường của tôi với cái nhìn đầy thiện cảm.

Tất nhiên, chuyện “gánh hát tự phát”, tập tuồng giải trí chỉ diễn ra khi mọi người rảnh rỗi, chứ kỳ thiệt, hồi đó ở Nam Vang thỉnh thoảng cũng có gánh hát từ Sài Gòn qua diễn tuồng cho bà con người Việt coi. Nhờ vậy, anh Sáu Tùng có dịp theo đờn cho gánh Phụng Hảo diễn ở rạp Kim Hòa Lũy (sau này có tên rạp Kim Sơn) gần đường Hassakan. Tôi nhớ rạp hát ở Nam Vang lúc ấy có một nhưng rạp chiếu bóng có đến ba: Excelxior, Majestic và Gaieté. Do trước mặt tiền rạp Gaieté người ta chạm khắc một con công bằng xi-măng, nên mọi người quen gọi rạp Con Công. Rạp này gần rạp hát Kim Hòa Lũy, khán giả có khi coi phim bên rạp Con Công, rồi sang bên Kim Hòa Lũy coi cải lương.

Hồi đó, mỗi lần theo gánh hát sang Nam Vang diễn, anh Sáu Tùng hay kiếm tôi. Gặp tôi, Sáu

Từng thiết mừng. Tối nào vãn hát, ảnh đều ghé nhà tôi ăn cháo gà khuya; còn tôi lại có dịp hòa đồn với ảnh.

Ở Nam Vang, thỉnh thoảng tôi cũng đi nghe đồn ngũ âm của người Khmer. Nghe riết rồi quen, âm thanh, giai điệu của âm nhạc này theo tôi cảm nhận cũng rất hay; nhưng kỳ thiết, tôi nghĩ âm nhạc Khmer khó có thể ảnh hưởng đến mình.

Tôi làm việc ở hãng nước đá được mấy tháng. Cũng đôi khi công việc thư thả một chút, tôi thả bộ đi ăn hủ tíu Nam Vang ở tiệm Đông Hưng trên đường Paul Luce. Không nhớ ai đó đã hỏi tôi hủ tíu Nam Vang có phải xuất phát đầu tiên từ tiệm này hay không. Tôi chưa biết rõ để xác định nhưng đã nghe nhiều người khen nơi đây là một trong những tiệm hủ tíu nổi tiếng ngon của Nam Vang. Ngoài ra, ở gần cầu Sài Gòn (Nam Vang có một cây cầu được người ta gọi quen miệng là cầu Sài Gòn) cũng có chỗ bán hủ tíu nổi tiếng ngon. Nhưng thiết ra, nếu nói ăn hủ tíu Nam Vang ngon nhất chính là hủ tíu của mấy chiếc xe đẩy, gần Sở Trường Tiền. Hồi bấy giờ, Nam Vang với chiếc xe bán hủ tíu có mấy chiếc ghế cho khách khứa ngồi quanh, từ người bình dân đến dân thầy chú, một hình ảnh rất quen thuộc với mọi người. Hủ tíu ở đây vừa rẻ, vừa ngon, chỉ mất 3 xu một tô.

Một bữa nọ cũng đang đi trên đường gần Sở Trường Tiền, tôi nghe có tiếng gọi tên “Vĩnh Bảo!” Nhìn lại, hóa ra là Trần Ngọc Mỹ, anh bạn học cũ ở Cao Lãnh, người từng đồn hát cùng tôi trên chuyến tàu Louis Blanchet. Mỹ cho biết anh đang làm thư ký đánh máy Sở Trường Tiền, tức Sở Công chánh (Services des Travaux Publics), tại Subdivision du Matériel. Anh hỏi thăm công việc của tôi, rồi chợt nói:

- *Moi* mới vừa thi đậu vào làm thư ký Kho bạc Nam Vang. Chắc chắn *moi* sẽ đổi sang làm việc ở đây. Theo ý *moi*, *toi* nên chuyển đến, thay chỗ của *moi*. Công việc thư ký ở đây tốt hơn làm thầu ngân.

Tôi mừng thầm trong bụng. Mỹ nói thêm một số công chuyện khác cho tôi biết và bảo tôi về suy nghĩ. Tôi về thu xếp với ông chủ hãng nước đá và sau đó chuyển qua thể chân Mỹ, làm thư ký đánh máy Sở Trường Tiền. Tất nhiên, chỗ này lương khá hơn: 25 đồng một tháng. Người điều hành công việc trực tiếp tôi lúc bấy giờ là kỹ sư Lý Văn Huấn. Làm thư ký đánh máy một thời gian, tôi được chuyển về Xưởng (Atelier) ở Cầu Lầu, làm thư ký coi kho. Công việc này thật nhẹ nhàng, tôi lại có thêm một anh phụ tá người Cambodge, tên Cheng. Anh này được một cái là rất hiền lành, xốc vác, ai nhờ lấy gì trong kho là ảnh làm ngay.

Cũng may mắn cho tôi, nhờ làm việc ở môi trường mới, tiếp xúc nhiều người có trình độ học vấn cao, kiến thức rộng, đã nung nấu thêm cho tôi suy nghĩ cầu tiến và tôi đã quyết định tiếp bước con đường học vấn dở dang của mình. Công việc tự học và học hàm thụ của tôi đã bắt đầu từ đây.

Làm việc một thời gian, tôi vừa ổn định cuộc sống thì vợ chồng anh chị sáu lại chuyển nhiệm sở mới đến Battambang. Công việc của anh sáu có phần thăng tiến hơn chỗ làm cũ. Anh chị sáu đi rồi, tôi đến mượn nhà ở phố Tứ Diện. Vì sao khu nhà ở đây có tên phố Tứ Diện? Tại tính thích tìm hiểu, tôi hỏi thăm và được mấy người ở phố cắt nghĩa rất đơn giản: Sở dĩ nó được đặt tên như vậy là vì bốn mặt với mỗi mặt là một dãy phố, đối diện nhau như khối hình vuông. Vậy thôi.

Khu phố ở đây được một cái là rất yên tĩnh. Lúc mới đến, chưa có người quen, mỗi chiều thư thả, tôi lại lấy đàn ra đàn, gửi lòng mình qua những tiếng tơ. Đôi lúc, tôi như mơ màng nhớ cô gái áo trắng dịu dàng ở Sóc Trăng. Tôi đàn khe khẽ, ước gì cô gái ấy có thể nghe được tiếng đàn của mình và được nghe cô gọi tiếng “cậu” thốt ra từ chiếc miệng xinh, hồn nhiên của cô...

Từ lạ cái, lạ nước, thấm thoát tôi đã ở Nam Vang được một năm. Năm sau, cô em út, còn gọi

là cô mười (tên thật Nguyễn Thị Xuân Thọ), muốn lên Nam Vang học trường Lycée Sisowath. Tôi tìm mượn một căn nhà rộng hơn ở Cầu Lầu, gần Nhà thờ Trái Tim, trên đường Rossey Keo. Sau đó, má tôi và chị dâu thứ bảy từ Cao Lãnh cũng lên ở với hai anh em tôi. Chị bảy lo chuyện chợ búa, nấu nướng; má tôi nói có người lo cơm nước ở nhà để tôi yên tâm làm việc, học hành; còn em mười cũng rảnh rang, chỉ chuyên chú chuyện học tập ở trường trung học Sisowath.

Học ở Nam Vang một thời gian ngắn, em mười có quen một số bạn bè cùng trường. Có người học cùng lớp, có người học trên lớp. Thời đó, con gái học đến tú tài là chuyện không dễ, xã hội rất trọng vọng. Trong nhóm bạn học tú tài, tôi thấy còn có các anh Nguyễn Công Trang, Đào Trọng Từ, Đào Trọng Sót, các cô Nguyễn Thị Diễm, Bùi Sen Hồ và đặc biệt là Inn Nenn, cô gái Khmer thật lịch sự, nề nếp (về sau là phu nhân của ông Sam Sary, Phó Thủ tướng Cambodge). Tôi được biết Inn Nenn còn là người phụ nữ giỏi giang của Cambodge đậu tú tài đầu tiên thời bấy giờ. Năm 1942, có lúc từ Sài Gòn trở qua Nam Vang, tôi nghe bạn bè kể Inn Nenn được bổ làm Hiệu trưởng trường Pavie ở đường Oknhakhuon.

Ở trong đời, tôi nghĩ quen biết với những người bạn giỏi cũng là một điều may. Một lần nữa, điều ấy như giúp tôi có thêm động lực, thôi thúc tôi quyết tâm bổ khuyết kiến thức, kiên trì tự học ngoại ngữ Pháp, Anh và cả tiếng Nhật, tiếng Hoa, tiếng Khmer... Nhưng nói chung, điểm xuất phát lớn để hiểu biết, chiếm lĩnh tri thức, tôi nghiệm ra phần lớn chính là từ lòng ham học hỏi ở mỗi con người đấy thôi!

Từ ngày dọn đến ở khu phố Câu Lầu, chỗ làm việc của tôi hơi xa nhà một chút. Hàng ngày trước khi đến Sở Công chánh, tôi có thói quen tập thể dục đi bộ ngang nhà ông Phán Thể trên đường Rossey Keo. Ông Phán Thể rất thích trò chuyện với tôi và thảnh thơi, ông mời tôi đến dùng cơm thân mật cùng gia đình. Ông bà Phán Thể chỉ có một cô con gái rượu duy nhất, tên Lan. Cô gái này dáng mảnh khảnh, nước da trắng trẻo và tính tình hiền lành. Ông bà Phán Thể thật tế nhị, cố tạo cơ hội gặp mặt và luôn vun vào tình cảm cho chàng thơ ký và cô con gái của mình. Tuy ông bà chưa nói thẳng lời, nhưng tự suy nghĩ, tôi đã cảm nhận được tấm lòng ông bà đã có ý muốn chọn tôi làm con rể. Thật là ái ngại, khi lòng tôi lúc nào cũng nghĩ đến Trâm Anh, nên sau đó, tôi giữ ý, không đến nhà ông bà chơi thường xuyên nữa.

Một buổi tối trời nóng nực, tôi cảm thấy trong người bứt rứt, nên thả bộ ra bờ sông hóng gió. Ngồi gần bên cầu tàu nhìn ra đầm lục bình, tôi suy nghĩ miên man về quê nhà, về hình ảnh một cô gái nhỏ mặc chiếc áo thêu màu trắng, có gương mặt thật thùy mị và đôi mắt to như soi thấu tâm tư người đối diện. Đêm càng khuya, trăng lên cao, sáng vàng vạc. Lòng cứ buồn rười rượi, lúc này tôi ước gì có một cây đòn trong tay để bày tỏ nỗi lòng u ẩn. Ngồi hút thuốc liên tục, bỗng tôi nghe một tiếng động lớn như có ai đó vừa rơi xuống nước... Tôi định thần nhìn về hướng dưới cầu... Đúng rồi, có người đang chấp chới dưới dòng nước! Không kịp suy nghĩ gì, tôi đứng dậy, vừa chạy về hướng cầu, vừa la lớn “Bớ người ta! Có người té sông! Có người té sông!” Rồi bất kể chuyện gì xảy ra, tôi tháo đôi giày đang mang và rút sợi dây nịt, có thể làm dây kéo cứu người, nhảy ùm xuống sông. Lờ mờ dưới sông nước có chút ánh sáng trắng, tôi nhận ra mái tóc đen dài xấp xỏa. Biết nạn nhân là một cô gái, tôi quơ tay nắm tóc kéo vào; bấy giờ, cô ta bám chặt vào tôi trong khi nước chảy xiết... Tôi suýt chết theo cô ta, nếu như không có sợi dây giăng ngang của một tàu lớn gần đó. Bà con ở gần bến sông, nghe tiếng kêu cứu đã kéo đến, giúp đỡ. Thật kinh khủng, loay hoay gần 15 phút dưới

dòng nước, tôi mới đưa được cô ta lên bờ. Lúc này, mọi người xúm lại làm hô hấp, cứu cô gái. Tôi thở phào. Qua ánh đèn lơ mờ, cô gái dường như đã hé hé mở mắt, miệng mếu máo. Không ai nghe rõ được cô nói điều gì. Lúc này tôi mới thực sự hoàn hồn, tự ngẫm lại cảm thấy tâm trạng mình thật lạ lùng vừa buồn buồn, vừa pha lẫn niềm lâng lâng vui sướng khi lần đầu tiên mình đã làm điều tốt, dám liều mạng cứu được một người thoát chết!

Đêm đó, thật khó ngủ, tôi thức gần đến sáng, đốt liên tục hết điều thuốc này đến điều thuốc khác. Buổi sáng đi làm, người muốn rạc đi!

...

Ở Nam Vang mùa mưa năm ấy đến sớm. Một buổi chiều tan sở, tôi bị mắc mưa, giữa đường bị ướt đầm, phải đợi mưa. Thành phố lúc bấy giờ tuy nhỏ nhưng nhiều cây, nên tôi cũng không dám liều mình đi dưới mưa. Đợi mưa tạnh thì trời tối hẳn. Tôi đi vội về nhà, băng qua những khúc đường vắng, cỏ mọc rậm. Trời mưa chiều, giúp cho dàn nhạc ếch, nhái, ễnh ương kêu thật ảo não! Tự nhiên tôi nghĩ làm cách nào để mình có thể chế tác âm thanh tiếng đờn như tiếng ếch hay ễnh ương kêu? Câu hỏi ấy cứ nung nấu mãi đến mấy năm sau, khoảng giữa năm 1945, khi tôi từ Sài Gòn trở lại Nam Vang, đến thăm một người bạn cũ đi

tu tại một ngôi chùa Khmer nằm giữa ao sen. Lần đó cũng là dịp sau cơn mưa, trăng mờ mờ sáng, tình cờ tôi nghe lại tiếng ễnh ương kêu trên ao sen. Không biết vì sao những âm thanh ảo não, u buồn này hòa quyện trong hương sen tịnh khiết trong đêm có ánh trăng mờ, làm dâng trào rất nhiều cảm xúc trong lòng tôi. Tôi lắng nghe tiếng ễnh ương thê thiết, có lúc như chìm trong âm thanh ảo não của đêm, làm tan nát cả hồn người. Rồi, nó thôi thúc tôi phải làm một cái gì để diễn tả cho bằng được âm thanh này. Tự nhiên tôi liên tưởng đến âm thanh tiếng đồn gáo. Đó cũng là thời điểm ấy tôi đã mày mò, sáng chế dây Tỳ (hò – liu – sol – sol) và dây Xế (re – sol) trên cây đồn gáo.

...

Cuối năm 1938, tôi bỏ Nam Vang, trở về Sài Gòn, mượn một căn phố gần chợ Bà Chiểu, nằm trên đường Lê Quang Định bây giờ. Căn nhà nhỏ, đơn sơ, không có bàn ghế. Giá thuê nhà lúc ấy 6 đồng/1 tháng. Tôi xin làm thư ký ở Sở Lúa gạo Đông Dương (Office Indochinois du Riz), nằm trên đường Docteur Angier, nay là đường Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, quận 1. Phòng Chọn giống lúa (Laboratoire génétique) lúc ấy có kỹ sư Pháp tên Girard Huet, kỹ sư Việt là Lê Phát Lợi. Giám đốc Sở lúc bấy giờ là ông Devisme.

Lúc này ở Sài Gòn đã xây một số rạp hát, rạp chớp bóng và phong trào đồn ca tài tử ở tư gia quan chức, trí thức vẫn được tổ chức thường xuyên. Tôi về Sài Gòn như cá gặp nước vì có nhiều bạn đồn, có dịp trình tấu nhiều bài bản cùng nhau. Thật hữu duyên, một hôm thấy Năm Tôn, đại diện hãng đĩa Béka, thuộc công ty của John Keller, Đức, có văn phòng đặt ở Việt Nam (đã thu thanh đĩa cải lương Nam Kỳ khoảng thập niên 20), đến mời tôi thu thanh một số bản đồn. Tôi nhớ lúc đó chủ hãng đĩa Béka mượn villa gần Chợ Lớn của một người Hoa kiều tên Tăng Quang Vĩ để làm chỗ thu thanh. Villa này tọa lạc tại số 20 đường Capital, đường Hùng Vương ngày nay. Được thu đĩa nhạc, thú thật cũng là một vinh dự lớn đối với một chàng lãng tử, lang bạt kỳ hồ như tôi. Như vậy, tôi đã có chỗ trụ lại trong làng âm nhạc miền Nam lúc bấy giờ. Nhớ buổi thu đĩa năm đó (1938), ngoài tôi còn có các nhạc sĩ Năm Nghĩa (nhạc sĩ này trùng tên, không phải là danh ca Năm Nghĩa – Lư Hòa Nghĩa), nhạc sĩ Ba Cần hòa âm đàn gáo, đàn tranh, đàn kìm cho cô Ba Thiệt ca. Ở Sài Gòn đã có nhiều người ái mộ giọng ca vàng của cô Ba Thiệt, là chị ruột cô Năm Cần Thơ, cũng là một giọng ca rất nổi tiếng ở miền Nam.

Nhà tôi ở gần chợ Bà Chiểu nên nhiều buổi tối đi làm về, tôi thường đi ngang khu trường Vẽ Gia

Định. Trường này theo tôi được biết, dường như được thành lập từ năm 1913, xây theo kiểu kiến trúc Pháp, khá khang trang. Trường lúc này cũng chưa có hàng rào hay bờ tường và hàng cây trồng phía trước mé lộ bắt đầu cao to. Gần đó, có một căn phố cho học sinh, sinh viên trường Vẽ xa nhà thuê trọ. Một hôm về muộn, đi ngang khu phố này, tôi chợt nghe tiếng đồn kìm của ai thật mượt mà, thắm thía. Tiếng đồn của ai nghe hay vậy? Trời tối, dưới ánh trăng mờ, không thể nhìn rõ người đang ngồi trước thêm ba đánh đồn là ai. Tôi quá tò mò, dợm bước tới, muốn coi cho biết mặt người đồn nhưng sợ làm mất cảm hứng người ta, nên thôi... Ngày hôm sau, tôi trở lại căn nhà phát ra tiếng đồn để hỏi thăm. Một người gọi vọng vào trong:

- Nha ơi! Có ai kiếm mày nè, Nha!

Người ta chỉ một thanh niên dáng cao dong dỏng đang ngồi trong sân, trước giá vẽ. Nghe tiếng động, người ấy quay lại. Gương mặt quen thuộc quá. Tôi kêu lên:

- Trời! Mấy đó hả Nha?

Chàng thanh niên tay vẫn cầm cọ, ngồi bật dậy, reo:

- Ủ. Tao đây. Lâu nay mầy đi đâu, giờ lại ở chốn này, Bảo?

Hóa ra, người đồn đêm qua là anh chàng sinh viên trường Vẽ này và cũng chính là Thanh Nha, người bạn học cũ thời tiểu học của tôi. Hồi đó ở Mỹ Trà, nhà tôi ở gần chợ Cao Lãnh, gần trường học; nhà Thanh Nha ở ấp Hạ, gần cầu Kinh. Xuống sâu một chút là đến làng Hòa An, từ Cầu Đúc đến đình Hòa An có nhà của nhạc sĩ Năm Bá, vô sâu một chút là nhà anh Trần Tấn Quốc. Tôi nhớ khoảng năm 1930, nghe người làng Mỹ Trà nói anh bị bắt vì tội rải truyền đơn, làm chuyện “quốc sự”. Nhưng đó là chuyện của người lớn, tôi cũng chưa biết gì. Về sau này, lúc sống ở Sài Gòn tôi biết anh Trần Tấn Quốc là nhà báo, từng tham gia kháng chiến và viết nhiều báo, có khi cộng tác, có khi anh còn làm chủ bút một số tờ báo như Công Luận, Tin Điển, Tiếng Dội, Điều Tra Phóng sự, Lẽ Sống, Công Nhân, Đuốc Nhà Nam... Anh Trần Tấn Quốc cũng là người đã sáng lập ra giải Thanh Tâm cho nghệ sĩ cải lương từ thập niên 50 ở Sài Gòn.

Nhắc lại chuyện gặp Thanh Nha ở gần trường Vẽ. Hồi ở Mỹ Trà những năm trước, khi tôi đã biết đồn rành rồi, Thanh Nha vẫn còn đồn quẹt quẹt. Nha nhờ tôi chỉ dẫn mấy bài bản; coi bộ anh chàng mê đồn dữ lắm! Sau đó, bọn tôi kết giao bạn bè đồn ca tài tử ngay tại bè tre nhà Thanh Nha. Cách một khoảng thời gian mấy năm tôi lên Nam

Vang kiếm việc làm, lúc trở về nhà, tôi nghe kể lại chuyện Thanh Nha đã nổi tiếng đồn hay. Thanh Nha thường rủ bạn bè đồn suốt đêm trên nhà bè của anh. Tôi biết Thanh Nha rất tài hoa, còn có khiếu sáng tác. Hồi học trường Vẽ xong, Thanh Nha về Cao Lãnh vừa vẽ chân dung theo yêu cầu của bà con để kiếm sống, vừa khuấy động phong trào văn nghệ ở địa phương. Năm 1946, tôi từ Nam Vang về lại Sài Gòn, tình cờ gặp lại Thanh Nha đang chuẩn bị theo kháng chiến. Đêm hôm đó, Thanh Nha đến từ giã tôi, thật cảm động...

Đó cũng là lần cuối cùng tôi gặp người bạn đồng hương, đồng điệu, tri âm, tri điệu từ buổi thiếu thời. Sau này, anh tập kết ra Bắc và cũng là một trong những gương mặt tài danh của sân khấu Việt Nam. Sau ngày Sài Gòn giải phóng, tôi có ý tìm Thanh Nha nhưng nghe nói anh vượt Trường Sơn vào Nam, hoạt động ở chiến khu, đã mất hồi còn chiến tranh...

Trở lại câu chuyện của tôi. Năm 1940, tôi đi dạy tiếng Pháp ở một trường trung học tư thực và dạy kèm tư gia. Ông Lemoine Demargon, một đồng nghiệp người Pháp rất tốt bụng đã giới thiệu tôi dạy một cậu học sinh, con gia đình người Việt có quốc tịch Pháp, rất giàu. Mỗi tuần tôi dạy René

(tên cậu bé) 3 buổi (mỗi buổi dạy 1 giờ và lương 1 giờ là 3 đồng. Thời điểm này cơm tháng chỉ có 10 đồng). Tôi mừng quá, nhận lời ngay. Công việc dạy kèm René khá trôi chảy. Một hôm, lúc dạy xong, tôi sửa soạn ra về, bất ngờ cô chị gái của René bước đến hỏi:

- Nghe nói thầy biết đàn, phải không?

Tôi đáp “phải” và nhìn cô tỏ vẻ ngạc nhiên.

Cô chỉ tôi cây đàn piano, đặt cạnh tường và đề nghị tôi đờn thử.

Tôi hơi ngần ngại, cô gái đưa mắt yêu cầu. Tôi đánh bản *Danse Hongroise n°4*. Tôi đàn xong, lập tức cô gái quay vào phòng mang ra cây đàn violon trao tay tôi và hỏi:

- Thấy chơi cây đàn này được không? Thấy đàn thử đi!

Tôi gật đầu, rao đờn, kéo vài câu Vọng cổ...

Câu chuyện rất đơn giản. Vậy mà, tối hôm sau, ông Lemoine Demargon đến nhà tôi chơi và mời ra nhà hàng dùng cơm. Tôi thầm nghĩ mình chưa kịp đền đáp ơn ông giới thiệu chỗ làm, cứ gì ông lại đãi đằng mình? Người mời cơm lẽ ra phải là tôi... Buổi ăn kết thúc, ông Lemoine Demargon chìa ra một phong bì đưa cho tôi và nói:

- Đây là tiền một tháng lương anh dạy cho René.

Tôi ngạc nhiên bảo mình chỉ mới dạy hai tuần và không hề hỏi mượn tiền lương trước. Ông Lemoine Demargon chậm rãi nói:

- Anh nhận tiền lương và có thể nghỉ dạy ở đó luôn.

- Tại sao? Phải chăng tôi dạy dở, papa René không hài lòng?

- Không phải thế. Papa René rất hài lòng lối dạy của anh. Nhưng có điều, sau khi nghe anh đàn, chị René cứ nhắc đến anh hoài, khiến gia đình không hài lòng. Papa René đành cho anh nghỉ dạy.

Ra vậy! Tôi chưng hửng, thất thểu ra về, lòng nặng trĩu. Thì ra say mê âm nhạc có lúc là một tai nạn nghề nghiệp đó chẳng! Tôi đã bị mất việc vì tiếng đàn của mình? Một kinh nghiệm nhớ đời! Giờ đây, nếu có cây đàn trong tay, tôi sẽ tâm sự với chính mình:

Lắng nghe giọng Oán từng hơi thở

Gởi với đường tơ muôn mảnh lòng

Ở Sài Gòn, cũng khoảng năm 1940, một đêm đang trong giấc ngủ say, tôi bị giật dậy bởi tiếng khóc của đứa trẻ nào đó ở hàng xóm. Thường ngày, tôi đã nghe nhiều tiếng khóc trẻ con nhưng sao lần này tôi cảm nhận tiếng khóc không bình thường, nó như tiếng gào thét van xin được cứu mạng sống.

Tôi chui ra khỏi mùng, nhìn đồng hồ, kim chỉ 12 giờ khuya. Tôi đi rửa mặt, và thay bộ đồ ngủ. Vào thời điểm này, ngày hay đêm, khi ra đường phải ăn vận nghiêm chỉnh, như là sơ mi có cà-vạt, áo vét, đầu đội nón nỉ. Tôi đánh thức chị giúp việc đi theo để coi con ai bệnh.

Xóm lao động dùng đèn dầu, nhà nhà mọi người đang an giấc. Con đường ngoằn ngoèo, tối om. Tôi cứ theo tiếng khóc của đứa trẻ để định hướng nhà. Đó là một ngôi nhà lá, bên trong có một người đàn ông, trạc trên 30 tuổi, vẻ mặt ủ rũ. Bên trái là một cái chõng tre, một người phụ nữ khóc sục sùi, bên cạnh đứa bé gái khoảng 2 tuổi đang lăn lộn, khóc gào. Thấy tôi xuất hiện, hai người này sững sốt. Họ chưa kịp hỏi, tôi trấn an: “Tôi ở cạnh đây, nghe tiếng cháu khóc, nên ghé xem cháu bệnh gì. Chỉ vậy thôi!”. Tôi bước lại giường cháu bé, sờ vào người nó thì thấy nó sốt cao.

Tự nhiên, tôi nghĩ đến phương cách phải hạ sốt ngay cho cháu bé, nên gọi chị giúp việc mau trở về nhà lấy thuốc. Tôi móc trong túi một mảnh giấy nhỏ ghi “1 viên Dagénan, lọ thuốc nhỏ mũi Rhynamide. Thời điểm này Dagénan và Thiazomide vừa là trụ sinh duy nhất và đắt tiền, một ống 20 viên là 10 đồng, trong khi tiền cơm tháng chỉ mất 12, 13, 14 đồng. Theo liều lượng đối với trẻ 2, 3 tuổi là $\frac{1}{4}$ viên,

nhưng tôi cho cháu bé nửa viên (forcer la dose) và nhỏ Rhynamide vào hai mũi cháu. Đồng thời tôi thoa rượu trắng vào khắp người cháu để hạ nhiệt. Nửa giờ sau đó thấy nó nằm yên và ngủ, không có giựt tay, giựt chân lẫn lộn như lúc tôi mới đặt chân vào nhà. Tôi từ giã hai vợ chồng chủ nhà và hẹn với họ sáng mai tôi cũng sẽ đến đưa cháu đi bác sĩ cùng họ. Hai vợ chồng cảm ơn tôi rồi rít.

Tám giờ sáng ngày hôm sau, đứa bé ngồi xe xích-lô với cha, còn tôi đi xe đạp tới phòng mạch của bác sĩ Hồ Tá Khanh đường Colombert. Vị bác sĩ này là con của ông Hồ Tá Bang, một trong những nhân sĩ sáng lập trường Dục Thanh và công ty Liên Thành ở Phan Thiết. Ở Sài Gòn lúc bấy giờ chỉ có hai bác sĩ chuyên về bệnh trẻ em là bác sĩ Hồ Tá Khanh và bác sĩ Trần Văn Đốc (phòng mạch bác sĩ Đốc ở Boulevard de la Somme, nay là đường Hàm Nghi).

Khi bác sĩ Hồ Tá Khanh đến, ông bước lại vạch mí mắt đứa bé xem và nói:

- Bây giờ chỉ còn có cách là mang cháu về chờ chết và chôn!

Tôi buột miệng hỏi:

- Thưa bác sĩ, có phải cháu nó bị đau màng óc (méningite)?

Bác sĩ Hồ Tá Khanh nhìn tôi, tỏ vẻ ngạc nhiên. Ông mời tôi vào phòng mạch. Ông hỏi tôi có học y khoa không và vì sao đoán được bệnh đứa bé. Tôi thành thực kể về một trường hợp quan sát một ca bệnh tương tự và bác sĩ đã từng chẩn đoán đúng, tôi đã học lóm được ca này từ đó. Chỉ là một sự may mắn! Tôi kể tiếp cả việc cho cháu bé uống thuốc tối hôm qua. Bác sĩ Hồ Tá Khanh hơi chau mày, rồi ông gật đầu:

- Thôi được, nó đã uống thuốc trụ sinh Dagénan và Thiazomide rồi thì hy vọng được cứu sống. Nếu bây giờ chỉ mới bắt đầu cho uống là trễ; ít nhất phải qua 6 tiếng đồng hồ, thuốc mới có tác dụng. Bây giờ về nhà cứ tiếp tục dùng thuốc cho cháu như vậy đi!

Bác sĩ không tính tiền xem mạch. Ông chỉ tôi cho cha đứa bé rằng tôi mới chính là người chữa bệnh. Tôi biết ông nói vui qua giọng đầy nghiêm trang của một “quan đốc-tờ”, theo cách gọi bác sĩ thời ấy. (Sau này, tôi nghe tin dường như năm 1945, bác sĩ Hồ Tá Khanh được mời giữ chức vụ Bộ trưởng trong Nội các của chính phủ Trần Trọng Kim.)

Một tuần lễ sau đó, người cha của cháu bé đến thăm tôi, cho hay cháu đã qua cơn nguy hiểm. Hai vợ chồng ông gởi biếu tôi một chục mảnh cầu ta và một chục trứng gà. Tôi áy náy xua tay, định không

nhận nhưng thấy ông có vẻ thất vọng, nên thôi.
Tôi hỏi:

- Chú làm gì và hiện ở đâu?
- Dạ tôi làm thợ ở Ba-son, nhà ở đường Nguyễn Bình Khiêm.
- Ủa, vậy sao?

Tôi kinh ngạc. Bởi nhà tôi đang ở đường Marcel Richard (nay là đường Nguyễn Văn Thủ), tính ra chỉ cách nhà vợ chồng ông ấy một tấm vách tường, nếu nói cách khác là một kiểu gần nhà xa ngõ? Thấy tôi có vẻ thắc mắc, ông giải thích:

- Dạ đó là nhà chị vợ tôi. Lúc con bé bệnh, tôi rước thầy pháp đến, thấy bảo là nhà tôi bị quỷ ám, phải dời chỗ ở, nên từ bên nhà Nguyễn Bình Khiêm, hai vợ chồng tôi đưa cháu về đây. Rồi, thấy bệnh cháu càng lúc càng trầm trọng, tôi vào chùa mời ông sư đến, định nếu cháu không qua khỏi thì nhờ sư đưa cháu vào chùa, đọc kinh, chờ chôn cất!

Thì ra vậy, đêm đó, nếu tôi đến trễ chừng 15, 20 phút thì ông sư đã mang đứa bé về chùa.

...

Đầu năm 1945, tình hình chính trị ở Sài Gòn có nhiều rối ren, biến động. Máy bay của quân Đồng minh ném bom ở Sài Gòn, nhiều người dân Sài Gòn phải đi tản cư ra ngoại thành để tránh bom.

Quân Pháp co cụm và, vào ngày 9 tháng 3, Nhật đảo chánh Tây, mọi người gọi là Coup d'État du 9 Mars. Kinh tế lại lâm vào khó khăn, tôi lập tức quay về Sa Đéc, dạy tiếng Pháp trong thời gian ngắn. Thời điểm này, dạy Pháp vẫn không phải hợp thời. Tình hình ở Sa Đéc đã bắt đầu khá lộn xộn, bất ổn. Nhật chiếm hết công sở của Pháp. Theo mô tả trong hồi ký đánh máy của thầy giáo Trần Quang Hạo ở Cao Lãnh cho biết, ông Chủ quận Đỗ Văn Công lúc đó thấy tình hình rối ren đã vội vàng “tù quan”, mượn tàu lửa Hiến Thành chạy trốn về Sài Gòn. Sau khi ông ta đi rồi, mấy ngày sau, một xe hơi bóng nhoáng đậu tại chợ. Người ta thấy một sĩ quan mặc quân phục Nhật, đội kết, đeo gươm hết sức oai phong lẫm liệt, tự xưng “Tổng đốc lưỡng tỉnh” (Sa Đéc và Long Xuyên), ra lệnh cho Nhà việc làng Mỹ Trà phải nổi trống, gom dân lại để y ta nói chuyện. Thôi thì đã diễn thuyết huyền thuyên, y còn lớn tiếng kêu gọi dân chúng được quyền xét xử, phán quyết “ai gây oán trả oán, ai làm ơn trả ơn”... Chẳng hiểu sao, nhiều người quá khích lại nghe lời, đã hùng hục mang giáo, mác và lửa tới định đốt chợ Cao Lãnh. Thầy giáo Hạo nghe tin chạy tới phải can ngăn, phân tích thiệt hơn hết sức, họ mới thôi. Bấy giờ, tình hình quá đen tối, ai theo Pháp, ai là Việt Minh, nếu bắt được, lính Nhật sẽ cho ngồi tù,

trấn nước hoặc cho đi “mò tôm”! Tất nhiên, cũng không loại trừ những người xấu trong làng lợi dụng tình hình, tự gây khó, làm hại chính người dân Việt Nam của mình. Tôi lúc này cũng biết chút ít tiếng Nhật nhờ tự học qua sách nhưng nếu bị buộc phải làm thông dịch cho người Nhật đang hiếp đáp dân mình, tôi không làm. Thế là, đến khoảng giữa tháng 5, để tránh bọn lính Nhật dòm ngó, tôi trốn êm lên Nam Vang.

Những ngày đầu tôi đi lang thang trên các đường phố Nam Vang. Thiệt tình, mấy năm rời bỏ Nam Vang, giờ trở lại, tôi hơi ngại ngẩn, không biết người quen, bạn bè cũ còn lại ai để hỏi thăm. Tình cờ, thấy trong tiệm hớt tóc bên đường có treo cây đàn để dành cho “khách tài tử” chơi đàn, tôi bước vào, ngồi so dây, rồi rao, đàn mấy bản. Anh chủ tiệm hớt tóc nghe tôi đàn, tỏ vẻ rất vui, anh quay sang hỏi thăm và biết chuyện tôi từ Việt Nam mới qua Nam Vang, nên bảo tôi cứ ở lại nghỉ ngơi tại tiệm hớt tóc. Anh này thật tử tế! Ở đây được hai hôm, tôi từ giã anh chủ tiệm hớt tóc để ra đi, lo kiếm việc làm.

Đang đi lang thang, tôi nghe tiếng gọi giật ngược:

- Anh chín! Anh chín! Anh lên đây hồi nào?

Thì ra là thầy giáo Bình. Trước đây, lúc ở Sa Đéc, giáo Bình có ở nhà tôi mấy tháng nên mang

ơn ba má tôi lắm. Biết tôi chưa tìm được nhà, anh rủ tôi về nhà. Ở nhà giáo Bình ba hôm, tôi cảm ơn và từ giã gia đình anh để ra đi. Thực sự, ra đi như thế này cũng là một điều khó khăn, bởi bây giờ trong túi tôi trống rỗng, không còn một đồng xu! Nhưng tôi suy nghĩ: phải kiên quyết đi thôi. Tôi tin nếu mình đi tìm việc thì việc chắc chắn sẽ gặp. Phải kiên trì với chuyện mưu sinh, nhất là bây giờ tôi đang một thân, một mình, không nhà, không cửa, không tiền, không bạc ở nơi xứ lạ, quê người!

Buổi chiều hôm đó, tôi đang đi lang thang ngang nhà hàng Paris của một người Hoa kiều tại Nam Vang, bỗng có tiếng người gọi thiệt lớn:

- Chú chín! Chú chín! Vô đây chơi, chú chín!

Tôi nhìn vào thấy thầy Tư Phụng đang ngồi với một người đàn ông. Cả hai đều mặc áo sơ mi, đóng thùng, ra vẻ dân thầy chú lắm. Tôi biết thầy Tư Phụng từng làm việc hành chính ở Xã Tây lo giấy tờ hộ tịch, đo đạc và tôi cũng thường tiếp xúc với thầy trước đây, nên không ngại ngần với thầy lắm. Tôi bước vào, kéo ghế ngồi bên cạnh hai người. Thấy Tư Phụng lảng xảng nói:

- Chú chín lên đây hồi nào sao không ghé tôi? Chú chín Bảo là người quen của tôi. Chú chín đây giỏi luật lắm!

Tôi chưa kịp phản ứng, thấy Tư Phụng quay sang người đàn ông, vừa nói, vừa chỉ về phía trước:

- Giới thiệu với chú chín đây là ông Hứa Hóc Dũ, chủ cái nhà hàng bên kia đường, trước mặt mình đó...

Hóa ra, thầy Tư Phụng và ông Hứa Hóc Dũ, một Hoa kiều, đang bàn chuyện làm cách nào để lấy lại ngôi nhà ngủ đã mua lại từ luật sư Bertrand nhưng còn bị vướng một người phụ nữ Pháp ở mãi trong nhà, không chịu dọn đi. Hiện tại, cô ta đang bị Nhật bắt, bởi lúc đó Nhật đang chiếm đóng cả Đông Dương. Họ đã truất phế và bắt tất cả những người Pháp ở Nam Vang vào trại tập trung. Tuy nhiên, tôi nhận thấy về mặt luật pháp lúc bấy giờ, cô đầm Obriot vẫn trả tiền thuê nhà đều mỗi tháng, đúng hạn, theo đúng luật, khó có thể thắng kiện cô ta. Tôi góp ý, chỉ còn cách duy nhất là xin vào trại tập trung gặp Obriot, rồi thương thuyết với cô ta, may ra... Thấy Tư Phụng ngắt lời, thầy nói cách đó họ đã làm rồi nhưng không thành công.

- Tại sao? Tôi hỏi

- Chẳng biết nữa! Con đầm này cứng rắn lắm!

Thầy Tư Phụng xua tay, giọng buồn buồn. Rồi thầy Tư Phụng đề nghị tôi giúp dùm.

Sau nhiều lần từ chối với thầy Tư Phụng và ông Hứa Hóc Dũ không được, tôi đành “hứa” lãnh mạng đi thuyết phục Obriot.

Lạ lòng làm sao, tôi nghĩ là chỉ “thủ thuyết khách” giai đoạn đầu, nếu không thành thì thôi. Không ngờ, trong thời gian ngắn tìm cách tiếp xúc với Obriot, cuối cùng, cô đầm gốc Lorraine này đã chịu nghe ý kiến phân tích lý, tình của tôi và đồng ý rút lui. Sau đó, cô nhận tiền bồi hoàn khoảng 40.000 đồng và không nhắc gì đến chuyện trở lại ngôi nhà thuê nữa. Sự thành công ngoài tưởng tượng này đã giúp tôi được sự tin cậy của Hứa Hóc Dũ. Để rồi, từ một người đang bị thất nghiệp, tôi được tin nhiệm, giao nhiệm vụ quản lý ngôi nhà ngủ, có tên *Khách sạn La Lorraine* (do Obriot đặt để nhớ quê hương của cô).

Lấy lại được nhà, không bao lâu, ông Hứa Hóc Dũ đổi tên khách sạn La Lorraine thành nhà ngủ Hải Giang (nói riêng ý nghĩa “khách sạn” hay “nhà ngủ”, tưởng rất đơn giản, vậy mà sau này Hải Giang còn có thêm “cái duyên” là được ông Nhiếp Chu Long, Thống đốc thành phố Nam Vang đề nghị sửa “nhà ngủ” thành “nhà nghỉ” (theo tiếng Khmer đọc là Chumadéc). Ông cắt nghĩa nên thay chữ “nhà nghỉ” nghe hay hơn. Khách sạn Hải Giang nằm trên đường Capitaine des Moulins ở

Nam Vang. Ông Hứa Hóc Dũ sau đó muốn mở thêm phòng, bảo tôi đi xin phép chính quyền. Tôi nhờ mối quan hệ bạn bè trước đây với cặp vợ chồng Sam Sary - Inn Nenn (ông Sam Sary lúc ấy làm việc bên chính quyền thành phố Nam Vang đã ký tên cho phép khách sạn Hải Giang được mở rộng từ 8 phòng lên 21 phòng).

Nam Vang lúc này phải nói rằng chịu ảnh hưởng tình hình chính trị chung ở bán đảo Đông Dương khá nặng nề. Tôi cũng như một số người dân sống ở Nam Vang lúc nào cũng hết sức thận trọng, cảnh giác. Chưa có bao giờ tôi thấy mình phải đối phó nhiều điều đến thế, khi buộc phải tiếp xúc nhiều người, nhiều thành phần ở khách sạn Hải Giang. Nếu không biết cách ứng xử, người ta sẽ dễ dàng nghi ngờ mình vì tình hình thế sự thay đổi liên tục: Nhật giam Pháp, Pháp bắt Nhật... Ở Nam Vang, không ít người bên ngoài khách sạn đoán già, đoán non, nghĩ rằng tôi là người thân Pháp vì có nhiều người bạn Pháp. Khi Nhật đảo chính Pháp, trưng thu khách sạn Hải Giang nhưng lại cho phép tôi ở một căn nhà thật to, gần khu nhà sĩ quan Nhật. Làm sao người ta không nghi ngờ tôi thân Nhật cho được, khi tôi tiếp xúc với các quan chức Nhật và còn được sự tin cậy của bác sĩ Watanabe!

Về sau, Nhật thua trận, quân đội Anh vào giải giáp. Ông Hứa Hóc Dũ kêu tôi trở lại làm việc, quản lý khách sạn Hải Giang. Lúc này, Phó Thủ tướng Cambodge, Sơn Ngọc Thành đến đề nghị khách sạn đón tiếp giùm phái đoàn Việt Minh từ Châu Đốc sẽ qua thăm. Ông Sơn Ngọc Thành nhanh chóng cho treo cờ đỏ sao vàng thật to trước cổng khách sạn và đề nghị khách sạn chuẩn bị giùm chỗ ngủ chu đáo cho 9 cán bộ Việt Minh. Trong số các ông trong phái đoàn Việt Minh, tôi còn nhớ tên các ông: Lê Văn Tú, Hồng Cẩm Hòa, Thái Ngươn Dương...

Tình hình chính trị thay đổi liên tục, Pháp trở lại nắm quyền ở Đông Dương. Thấy tôi ở khách sạn Hải Giang tiếp xúc nhiều thành phần, nhiều nhân vật ở Nam Vang, Công an Liên bang (Sureté Fédérale) gửi thư mời gặp. Giám đốc Công an Liên bang lúc này là ông Thierry, Phó là thiếu tá Fabrégas và thêm một viên trung úy rất hách dịch là Rouget. Tôi biết mục đích của lá thư mời là hình thức “dụ” tôi làm việc với họ. Họ muốn tôi bày tỏ thái độ hoặc cộng tác, hoặc họ sẽ bắt giam tôi. Tình hình vô cùng khẩn trương, tôi lo lắng, muốn trốn đi nhưng chưa biết cách nào đây! Tàu bè, xe cộ của người dân đi về Việt Nam bị cấm hết rồi! Thời may làm sao, lúc đang ngồi uống cà-phê ở nhà hàng Paris suy nghĩ cách trở về Việt Nam, tôi gặp đại tá Quilichini làm việc bên

An ninh quân đội Pháp (Sécurité aux Armées) đang bước vào. Tôi có quen với viên sĩ quan này, dịp ông ta ghé khách sạn Hải Giang trước đây. Quilichini thấy tôi có vẻ buồn, đến hỏi thăm. Tôi kể chuyện và đưa thư mời của Công an Liên bang cho ông ta coi. Quilichini bảo tôi chờ tại chỗ một chút, để ông đi hỏi thêm thông tin. Lát sau, viên đại tá trở lại cho tôi biết chính xác bên Công an Liên bang sẽ bắt giữ tôi ngày mai. Quilichini bảo tôi đến văn phòng bên An ninh của ông để không ai để ý. Tối hôm đó, đại tá Quilichini phái một anh lính Tây đen thân tín lái xe jeep bí mật đưa tôi rời khỏi Nam Vang, giúp tôi trốn thoát về Việt Nam. (Cho đến bây giờ, tôi chưa hiểu rõ lý do nào đã khiến viên sĩ quan Pháp này đối xử tốt và tìm cách giải cứu tôi một cách ngoạn mục như vậy?)

Thật sự, hồi ở Cambodge làm quản lý khách sạn Hải Giang một thời gian, tôi đã mong muốn quay về nhà, tôi quá chán cảnh chộn rộn, ồn ào, đầy mùi nhà binh và mùi chiến tranh của bọn lính Nhật, Pháp; vả lại, tôi nghĩ Nam Vang đâu phải là quê hương của mình, ở lại làm gì. Tôi nhớ đời sống ở Việt Nam, nhớ không khí nghệ thuật của Sài Gòn; tôi nhớ tiếng đàn của bạn bè; tôi thích gặp gỡ những người tri âm, tri kỷ của mình, hơn là lúc nào cũng phải tính toán những con số khô khan

ở khách sạn và lúc nào cũng phải đối phó với bọn lính tráng Nhật, Pháp, khi tình hình Đông Dương liên tục xảy ra biến động!

Trở lại Sài Gòn, có dạo tôi gặp anh Trần Ngọc Mỹ, người bạn cũ hồi ở Cao Lãnh và ở Nam Vang. Mỹ kể một câu chuyện khá ly kỳ về gia đình. Anh đã gặp được người thân rất bất ngờ: nhờ đeo ở cổ kỷ vật của người cha Pháp tặng cho mẹ anh mà ông anh trai cùng cha, khác mẹ từ Paris sang làm lục sự ở Tòa án Nam Vang đã nhận ra anh. Sau khi rời xứ sở Chùa Tháp này, anh được người anh Pháp (nói trên) bảo lãnh, sớm nhập tịch vào dân Tây; bây giờ tên Tây của anh là Michel Trần Ngọc Mỹ. Hồi đó, người Việt nhập tịch Pháp (Naturalisé Français), nếu đủ điều kiện là công chức phục vụ “Mẫu quốc” trên 10 năm là có thể xin nhập Pháp tịch. Tuy đứng sau dân Pháp chính gốc (Citoyen Français) nhưng vẫn có quyền lợi nhiều hơn là dân bốn xứ, vốn không được đối xử công bằng mà còn bị khinh rẻ! Trần Ngọc Mỹ sớm nhập Pháp tịch, là “dân Tây” và đã đăng lính phục vụ một thời gian, như vậy, coi như... thừa tiêu chuẩn! Lúc gặp tôi, Michel Mỹ đang là Commissaire (cò), cảnh sát đặc biệt miền Tây.

Còn tôi, từ lúc trốn về được Sài Gòn, vẫn tiếp tục bị Pháp theo dõi ráo riết. Tôi gần như bị thất nghiệp. Thấy vậy, một ông chú bà con có vai vế ở

Sài Gòn đã giới thiệu tôi với một người bạn làm “sếp” bên ngành an ninh. Nghề này đối với tôi thật ngán ngấm! Nhưng rồi sợ mịch lòng ông chú nhiệt tình giúp đỡ, giới thiệu, tôi bắt đầu dĩ nhận việc và xin được phụ trách phần thông tin (Information) ở khám. Đây là một môi trường khá phức tạp, dù chỉ là người ở bộ phận ghi chép tin tức nhưng bởi lòng mình không muốn hại ai, tôi tìm cách giúp đỡ những người tù tội nhẹ, nói khéo để “sếp” thả họ về với gia đình cho sớm. Đối với người tội ở lâu hơn, tôi nói mấy anh em lính nên đối xử tử tế, không nên tra tấn tù nhân. Kết quả cũng chẳng có gì hay ho cho tôi! Lập tức, có người mật báo cấp trên rằng tôi thân Việt Minh, bao che cho Việt Minh. Thấy ở đây không xong, tôi xin nghỉ việc.

ĐÓA HỒNG HẠNH PHÚC

Giữa năm 1946, tôi quyết định quay về Sa Đéc. Tâm trạng của tôi lúc này trĩu nặng buồn phiền. Tôi như một người bị mất phương hướng trước nhiều mất mát, chuyện tình duyên vẫn chưa ổn định và nghề nghiệp cứ lêu bêu, không chắc chắn...! Về nhà ở với cha mẹ, tôi sống trầm lặng hẳn. Tôi cảm nhận má tôi là người thương tôi, thông cảm, an ủi và giúp đỡ cho con trai của bà nhiều nhất. Tôi cảm nhận quê nhà của mình giờ cũng nhiều đổi thay! Bạn bè

ngày xưa giờ tản lạc, có người lên Sài Gòn, có người qua Nam Vang lập nghiệp, có người đi Tây và không ít người vô bưng biển, theo kháng chiến... Trong số đó có Thanh Nha, người bạn tài hoa đã từ già tôi đi vào chiến khu, lúc còn ở Sài Gòn...

Ở Sa Đéc một thời gian, tình cờ tôi gặp Hường, một cô người quen ở Sóc Trăng lên chơi. Tôi hỏi thăm cô gái tên Trâm Anh ở Sóc Trăng năm xưa... Hỏi là hỏi chơi, hỏi bâng quơ chứ làm sao biết ai là ai ở cái xứ sở Sóc Trăng mênh mông như vậy! Không ngờ, cô Hường nói ngay rằng mình có biết Trâm Anh, bởi nhà ông Huyện Ngự ở gần nhà người bà con của cô. Cô Hường nói đùa rằng không hiểu cô này có chờ đợi ai không mà đến giờ vẫn chưa lập gia đình. Tôi cảm thấy thật lạ lùng, lòng bồi hồi, bởi đã lâu rồi, tôi có ý định không lập gia đình! Nhưng rồi không giấu được lòng, tôi thổ lộ với cô Hường về tình cảm lãng mạn, đơn phương của mình ngày xưa đối với Trâm Anh. Nghe xong, cô Hường có ý trách móc:

- Ngày xưa, phải chi cậu chín đi hỏi cưới Trâm Anh cho rồi! Đi qua Nam Vang làm chi!

Tôi cười buồn:

- Chắc đó là số phận của con người ta! Nếu có duyên số, sẽ gặp được nhau, cô à!

Cô Hường reo lên, mặt vui hẳn:

- Cậu chín! Nếu gia đình cậu bước tới hỏi cưới Trâm Anh cho cậu, biết đâu ông bà Huyện Ngự đồng ý?

Tôi bất ngờ trước những lời của cô Hường kể về Trâm Anh và càng bất ngờ hơn trước lời khích lệ của cô. Câu chuyện cũ hiện về, khiến lòng tôi xốn xang, bối rối. Trời ơi, chuyện cũ đã trôi qua gần 8 năm trời rồi còn gì! Tưởng như mọi điều đã trôi qua xa lơ, xa lắc...

Thế mà câu chuyện tình duyên lại lọt đến tai ba má tôi. Gia đình tôi rất quan tâm vì biết Trâm Anh là con gái nết na của gia đình ông Huyện Ngự. Má tôi bàn với ba tôi và các anh chị trong nhà, cậy người mai mối tới gặp ông bà Huyện Ngự để xin hỏi cưới cô Trâm Anh cho tôi. Được sự đồng ý của gia đình Trâm Anh, tôi xuống Sóc Trăng ra mắt ông bà Huyện Ngự. Thật may mắn làm sao, ông bà đồng ý gả con gái. Ông bà Huyện Ngự quan niệm cho đó là do duyên số của chúng tôi.

Tháng 7 năm 1946, đám cưới của tôi và Trâm Anh được tổ chức đơn giản nhưng thật ấm áp. Tôi đón nhận món quà hạnh phúc của mình mà rơi nước mắt. Hạnh phúc như trong mơ! Tôi không thể hình dung giờ đây, trong phút giây này được nhìn tận mặt người con gái mình yêu thương – gặp lại

một tình yêu mà tôi đã từng ngậm ngùi đau khổ vì tưởng mình đã mãi mãi đánh mất...

Sau đám cưới, tôi đưa Trâm Anh lên Sài Gòn sống ở đường Pellerin, đường Lý Văn Phúc bây giờ. Má tôi giờ đã yên tâm về tôi, thỉnh thoảng bà lên Sài Gòn ghé qua nhà anh hai tôi, giáo sư Nguyễn Văn Phát (Hội đồng Phát), một trong những người theo nhà báo Hà Huy Hà – Kiên Giang nhắc đến là đã sáng lập Hội Nghệ sĩ Ái hữu, làm Hội trưởng năm 1949 cùng với các thành viên nghệ sĩ Năm Châu, Phùng Há, Thành Tôn... Có lúc, má tôi đến ở chơi với vợ chồng tôi. Xuân Thọ, cô em gái út giờ cũng đi làm, lâu lâu cũng ghé qua nhà trò chuyện với Trâm Anh. Có một lần, tôi đưa mấy chị em đi chơi ở Thảo Cầm Viên. Cả nhà chúng tôi đi bộ, không đón xe xích lô hay xe điện. Nhân đây, tôi muốn nhắc đến chuyện xe điện ở Sài Gòn năm đó mới xuất hiện, nhưng giờ đây chắc không mấy ai còn biết về nó! Hồi đó, xe điện (tramways) của Compagnie Française des tramways ở đường Paul Blanchy ra đời khoảng năm 1947, 1948. Xe điện là phương tiện khá phổ biến ở Sài Gòn. Tôi nhớ hành trình qua các tuyến đường như sau: Xe điện đi từ Dépôt de Gò Vấp lên Quán Tre, người ta dùng đầu máy xe lửa kéo toa. Từ Dépôt de Gò Vấp ra Sài Gòn, vào Chợ Lớn, xe chạy bằng vòng

cung sắt chạm dây điện trên không. Các ga: Gò Vấp, Xóm Gà (tay trái). Ga Bà Chiểu (Gia Định) ở đầu chợ Gia Định, qua cầu sắt (gọi là cầu xe lửa) tới ga Dakao (rue Martin des Pallières), rẽ sang đường Legrand de la Liraye ra Paul Blanchy (Hai Bà Trưng), gặp ga Larclauze tay phải, chạy thẳng ra là ga Boy Landry (ga này nằm trước hãng Boy Landry, cạnh Hôtel Caravelle, bên hông Nhà hát Tây, chạy dài đến ga Cunia, tay trái ngó ra bùng binh chợ Sài Gòn, vô Boulevard Galliéni (tức Trần Hưng Đạo), qua khỏi đường Dixmude (Đề Thám) có ga Louvain ở tay trái, ga d' Arras (góc Galliéni và Arras). Đường Arras đã hai lần đổi tên thành Huỳnh Quang Tiên và Cống Quỳnh. Ga An Bình (đường Đồng Khánh, gần nhà hàng Bát Đạt), gặp đại lộ Nguyễn Tri Phương, rẽ sang phải là đường Gaudot (Khổng Tử), ga Bonhoure là ga cuối.

Những năm cuối thập niên 40 này trở lại Sài Gòn sinh sống, trong khi tìm nơi dạy học, tôi muốn thử sức mình sang lãnh vực khác xem sao. Có người gợi ý tôi nên xin đầu thầu cung cấp củi cho một số cơ sở nhà nước Pháp có khi sẽ dễ kiếm tiền nuôi gia đình hơn. Tôi thử thực hiện. Công việc này ban đầu chưa quen nhưng chẳng bao lâu, tôi đã có thể là người cung cấp củi cho bệnh viện, khám lớn Sài Gòn, sở Hỏa xa...

Năm 1948, hai vợ chồng tôi dời nhà về số 60 đường Dixmude, đường Đề Thám, quận 1 ngày nay. Chở củi một thời gian, tôi xin được dạy Pháp văn ở trường Ngô Quang Vinh, bắt đầu từ cuối năm 1947. Anh Trần Văn Khê lúc đó cũng dạy Anh văn tại trường này nhưng chúng tôi chưa một lần trò chuyện với nhau về âm nhạc. Sau đó, khoảng năm 1949, anh sang Pháp du học. Mãi đến sau này, tình cờ nghe được tiếng đàn của tôi qua băng ghi âm của bác sĩ Phạm Kim Tương lúc mang sang Pháp, anh Khê hỏi thăm bác sĩ Tương về tôi. Anh Khê bảo với mọi người không dè tôi biết đàn và am hiểu âm nhạc sâu sắc như vậy. (Từ những năm 1964 trở đi, anh Trần Văn Khê bắt đầu kết nối, viết thư hỏi thăm, trao đổi chuyện âm nhạc với tôi.)

Năm 1950, vợ chồng tôi lại tiếp tục dời nhà về số 297/1 đường Frères Louis, thuộc khu vực Chợ Lớn, góc Cây Mai – Nguyễn Trãi ngày nay. Năm này, bé Thu Anh chào đời, cân nặng không đầy 1 kg, khiến cả nhà đều lo lắng. May mà Thu Anh vẫn khoẻ. Một niềm vui mới tràn ngập dành cho gia đình, má tôi lên thăm con dâu, cũng rất yêu quý Trâm Anh. Cô đúng là mẫu người vợ hiền, lúc nào cũng chỉ nghĩ đến việc chăm sóc chồng con, tế gia, nội trợ chu đáo. Bỗng dưng, tôi nhớ vở tuồng từng

coi *Chùa dút hương thể* (sau đổi lại *Vợ và người tình*) của soạn giả Năm Châu mà lòng bồi hồi. Trong cuộc sống, có những điều xảy ra có thể đã làm đau đớn lòng ta thì ngược lại, cũng có một thứ tình yêu bao dung, dịu nhẹ soi sáng, làm ấm áp tâm hồn ta. Trâm Anh đã mang đến cho tôi một sức sống mới, giúp cho tôi thêm nghị lực, khích lệ tôi bằng đôi mắt biết nói, đầy tình cảm yêu thương... Tôi may mắn tìm được chỗ dựa tinh thần sau những năm tháng dằn vặt bao nhiêu chuyện đời. Trâm Anh rất thích nghe tôi đồn. Tôi biết tiếng đồn của mình lúc này tươi hơn ngày trước nhiều lắm.

*Nàng là hồng thắm đời tôi
Hồng nhung muôn sắc trên đôi tỏa hương
Công, Dung, Ngôn, Hạnh mọi đường
Tôi thờ, tôi kính, tôi thương suốt đời
Tình nàng ngự trị tim tôi
Dịu xoa sầu tủi một thời sa cơ
Hồn tôi nàng phủ tình mơ
Cho tôi cảm hứng nhạc, thơ ngày ngày
Đời tôi mây xám bủa vây
Mắt nàng soi lối những ngày tối đen
Dâng em muôn vạn lời khen
Em là Thân Nữ trong đền tim anh*